

Copy cũ 200vi
Q.KAD, C. Truong (NCTD)
LĐV
đọc tham khảo
25/8/2014

GIỚI THIỆU THIẾT KẾ ĐÔ THỊ TẠI VIỆT NAM

+ du lịch ứng web
Quê
+ h? h? Scan Urban?

TS. Nguyễn Trúc Anh
Viện Kiến Trúc, Quy hoạch Đô thị- Nông thôn

- 63/TĐ-TCHC*
- Thời gian:** 8h30-9h30
- Thời lượng yêu cầu:** 60 phút
- Loại hình tiết học:** Bài giảng
- Các mục tiêu:** Nhấn mạnh đến vai trò của thiết kế đô thị trong quy hoạch đô thị
- Nội dung/Chủ đề:** Giới thiệu về thiết kế đô thị ở Việt Nam (Nghiên cứu điểm ở Đà Lạt) và kinh nghiệm ở Australia và Nhật Bản
- Phương pháp đào tạo:** Trình bày
- Tài liệu tham khảo:**

“URBAN DESIGN”- Trong Thiết Kế Quy Hoạch Đô Thị Việt Nam

Lời mở đầu

Thiết kế đô thị (Urban design) là vấn đề đang được sự quan tâm và chú ý của nhiều tầng lớp nhân dân, cả người trong nghề và người ngoài nghề. Bộ mặt đô thị hiện nay ở nước ta đang bị những cơn lốc của nền kinh tế thị trường làm méo mó vẹo vọ, cộng thêm với sự thiếu vắng một bộ luật qui hoạch hoàn chỉnh và sự lúng túng trong công tác quản lý xây dựng của các ngành hữu quan càng làm cho bộ mặt đô thị thêm lộn xộn. Ở các nước phương tây mới chỉ giữa những năm 80, thiết kế đô thị được xuất hiện hoàn chỉnh như là một bộ môn mới, một lĩnh vực chuyên môn mới, đào tạo ra người làm nghề mới bên cạnh những người làm nghề truyền thống trong qui hoạch thiết kế đô thị như qui hoạch đô thị (QHĐT-Urban planner), kiến trúc sư cảnh quan (Landscape architect), kiến trúc sư (Architect) và cùng có chung nhiệm vụ là thiết kế một thành phố đẹp, hoàn chỉnh về công năng sử dụng trong không gian và thời gian.

Bài viết này nhằm giới thiệu rõ khái niệm và tính chất công việc thiết kế đô thị nói chung, vị trí và qui trình cũng như mọi khía cạnh khác của thiết kế đô thị trong qui trình qui hoạch và thiết kế đô thị ở một số nước như Australia, Mỹ, Trung Quốc, những nước có giá trị tham khảo tốt cho nước ta. Từ đó nêu một số phân tích và gợi ý cho thiết kế đô thị ở Việt Nam.

Thiết kế đô thị- (TKĐT -urban design) là gì?

Trên thực tế, có rất nhiều định nghĩa không giống nhau cho thiết kế đô thị. Nhưng điểm hội tụ chung đều cho thiết kế đô thị (urban design) cũng như qui hoạch đô thị (urban planning) không thể độc lập tồn tại như là lực lượng chính làm ra đô thị. Bởi vậy, tất cả mọi định nghĩa quan trọng đều dường như nói về chúng nhưng lại không nêu rõ được chúng.

Có người viết: “Chúng ta gọi sự thay đổi xã hội đô thị là sự xác định lại của ý nghĩa đô thị.

Có người lại định nghĩa: “Chúng ta gọi qui hoạch đô thị là sự thích ứng hoà hiệp của những chức năng đô thị nhằm mục đích chia sẻ những ý nghĩa đô thị.

Có tác giả lại nói: “*Chúng ta gọi thiết kế đô thị (Urban design) là những cố gắng biểu trưng(symbolic) để thể hiện những ý nghĩa đô thị(urban meaning) đã được chấp nhận bằng những hình thức đô thị(urban form) thích hợp.*”(Castells, 1983, tr. 304;). Định nghĩa này Castells đã cố gắng liên kết tất cả những qui trình TKĐT trong một bề diện rộng, tổng hợp tất cả quá trình sản xuất không gian đô thị, kể cả kinh tế chính trị, xã hội học trong việc qui định hình thức không gian đô thị như là những qui trình sản phẩm dựa vào kinh tế: sản xuất, tiêu thụ, trao đổi hàng hóa, và nhà nước.

Giống như Castells, Ross King viết: “*TKĐT là qui trình sản xuất có mục đích của những ý nghĩa đô thị, qua việc tổng hợp và liên kết tất cả những mối liên hệ giữa các thành phần không gian. Trong vấn đề thị trường mở, sự sản xuất “ý nghĩa đô thị” đang tồn tại để ủng hộ cho sự tích lũy vốn, tái sản xuất xã hội và luật pháp trên những cách thức đặc biệt coi trọng đến lợi ích chung.*”

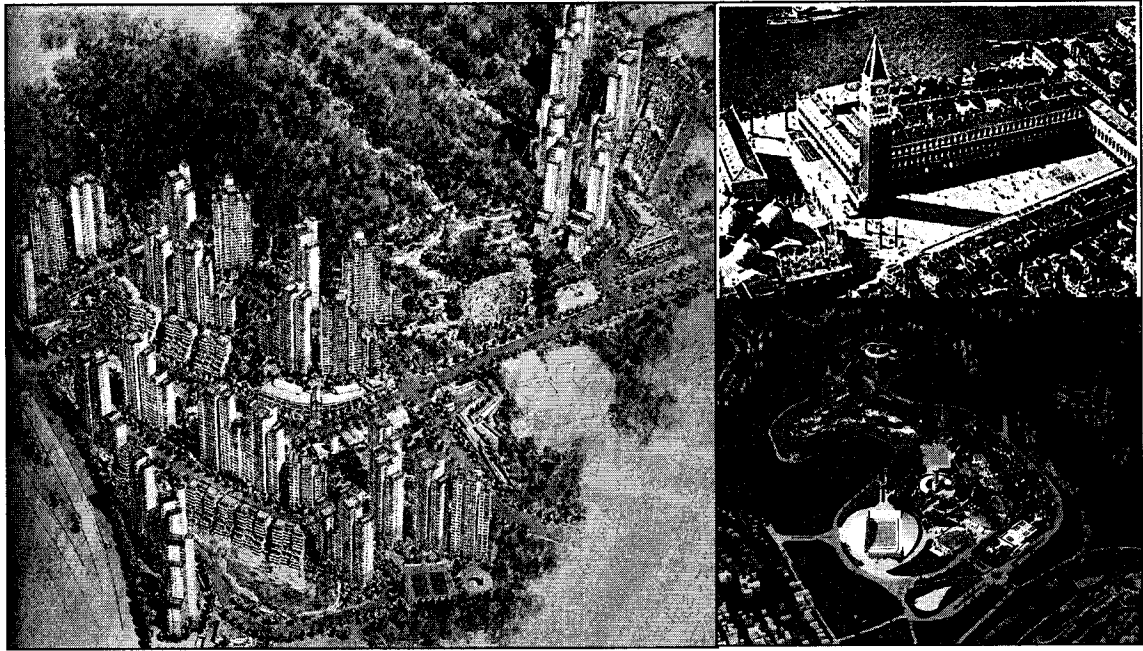
Trái với các suy nghĩ trên coi TKĐT như là sự tổng hợp qui trình cân bằng xã hội trên nhiều khía cạnh được thể hiện qua những hình thức không gian đô thị nhất định, nhiều học giả và các nhà chuyên môn khác lại có những định nghĩa không giống nhau về TKĐT trên phương diện liên quan trực tiếp đến lĩnh vực chuyên môn của mình, tới những chức năng nổi trội của đô thị. Theo dòng suy nghĩ này, TKĐT được quan niệm hoặc là “**kiến trúc theo chiều rộng** - architecture writ large” thiên về kiến trúc trên diện rộng hoặc “**kiến trúc theo chiều sâu** - urban planning writ small” -QHĐT với diện nhỏ, hoặc là sự tổng hợp của cả hai. TKĐT trên thực tế không bao giờ là một lĩnh vực độc lập.

Ở phương Tây, TKĐT chưa bao giờ được coi như là một **chuyên ngành** giảng dạy ở bậc đại học mà chỉ được giảng dạy cho các học viên cao học kiến trúc.

Trong lĩnh vực qui hoạch (QH) cũng vậy, phương Tây cũng rất ít quan tâm trong việc nhận biết thiết kế về mặt không gian đô thị kiến trúc một cách hữu hình (physical design) do họ được giáo dục và bị ảnh hưởng bởi các môn khoa học xã hội mà họ đã coi đó là nền tảng của QHĐT.

Để lấp đi những lỗ hổng mà cả hai ngành Kiến trúc và QHĐT để lại, TKĐT đã ra đời. Có rất nhiều định nghĩa về TKĐT theo dòng suy nghĩ này, ví dụ:

- TKĐT là nghệ thuật của thiết kế thành phố theo không gian ba chiều ở trên một diện rộng hơn là từng ngôi nhà một.
- TKĐT liên kết qui hoạch, kiến trúc và kiến trúc phong cảnh với nhau để lấp đi những lỗ hổng tồn tại giữa chúng
- TKĐT là một phần của qui hoạch thành phố (city planning), chúng **xử lý** cái đẹp và những cái định ra trật tự và hình thức của đô thị
- TKĐT chủ yếu liên quan đến chất lượng của lĩnh vực đô thị công cộng (urban public realm) cả về mặt xã hội cũng như không gian kiến trúc (social and physical) và làm ra những không gian đô thị mà con người có thể hưởng thụ và **chiêm ngưỡng**.



- Quảng trường Piazza San Marco ở Venice (Italia)
- Khu thể thao VH Lâm Đồng (Việt Nam)
- Khu nhà ở Hồng Kông

Người thiết kế đô thị (Urban designer) làm gì?

Trong bài viết này, tác giả muốn nhấn mạnh những lý luận về TKĐT theo dòng suy nghĩ thứ hai. Rõ ràng TKĐT là một sự kế tục và phát huy giữa các ngành qui hoạch đô thị (QHĐT), kiến trúc cảnh quan (KTCQ), kiến trúc (KT), xã hội học, môi trường học v.v.

Trên thực tế tất cả các công trình của loài người đều được thực hiện dựa trên một tập quán hành động và luật lệ nhất định. TKĐT cũng không nằm ngoài thông lệ này.

Về nguyên tắc, mọi tầng lớp nhân dân đều tham gia vào xây dựng và kiến thiết đô thị: các chính trị gia, các luật sư, các kỹ sư đô thị, kiến trúc sư, những doanh nhân, và chính bản thân người dân đều đóng góp công sức không nhỏ của mình để kiến tạo nên một đô thị khang trang và thịnh vượng. Trong quá trình xây dựng, thiết kế đô thị, mỗi thành phần tham gia đều nhìn nhận góc độ TKĐT dựa trên những quan điểm chủ quan của mình về cái được cái mất (costs & benefits) và tất cả đều dựa trên nguyên tắc lợi ích và **giá trị tối ưu có thể**. Xét về phương diện này, TKĐT nói chung và người làm TKĐT nói riêng phải thường xuyên đề cập đến vấn đề ra quyết định lựa chọn tối ưu bởi có các xung đột giữa các quyền của cộng đồng và cá nhân, sự ra quyết định trong việc cân nhắc nặng nhẹ giữa các lợi ích và giá trị. TKĐT sẽ sử dụng luật pháp để quản lý và dẫn dắt các hành động cá lẻ theo một lợi ích chung, tác động và điều chỉnh những biến đổi của nền kinh tế thị trường. Người TKĐT có thể tham gia, đi đầu trong việc thiết lập những chiến lược phát triển đô thị, đưa ra những dự án và lý luận về thiết kế công trình phục vụ con người, can thiệp trực tiếp vào kinh tế thị trường và quá trình làm luật bằng cách cung cấp ý kiến đóng góp, dự báo bộ mặt đô thị trong tương lai, quá trình làm chính sách và quản lý của Nhà nước. Như vậy, khả năng TKĐT của người làm TKĐT phụ thuộc rất nhiều vào sự hiểu biết, kinh nghiệm về môi trường sống và quá trình ra quyết định chính sách. Tóm lại, người làm TKĐT (Urban designer) sẽ phải làm việc theo hai xu hướng chính. (1) Thiết lập những chính sách,

thể chế cho công việc thiết kế, đưa ra những hướng dẫn cho một công cuộc phát triển, và khuyến khích toàn dân tham gia vào công cuộc phát triển chung trong khuôn khổ những pháp chế, chính sách, hướng dẫn đó. (2) Trực tiếp, điều khiển, quản lý và thực hiện toàn bộ quá trình thiết kế và phát triển. Xu hướng đầu tiên sẽ thiên về QHĐT (Urban planning) và xu hướng sau sẽ nghiêng về kiến trúc (Architecture).

Công cụ xã hội và công cụ luật pháp trong thiết kế đô thị

Công cụ xã hội (social tool): Bất cứ một đô thị nào cũng sử dụng những công cụ xã hội để tác động trực tiếp đến nhận thức của con người, những giá trị về niềm tin, nếp nghĩ và sở thích của con người. Thông tin xã hội được truyền tải bằng những công cụ xã hội, đó chính là những cơ quan tổ chức, các viện đại học, viện nghiên cứu, các tổ chức phi lợi nhuận-NPO, các tổ chức phi chính phủ-NGO, các tổ chức cộng đồng-CBO vv. Để ra các quyết định, con người chủ yếu dựa vào các thông tin này. Nếu TKĐT được phát triển theo hướng này, chúng sẽ phát triển nên cái gọi là qui hoạch cộng đồng (community planning) và song song với cái này là thiết kế cộng đồng (community design) rất thịnh hành ở các nước phương Tây ngày nay. Bài viết sẽ đề cập vấn đề này ở phần sau.

Người dân và các tổ chức là những người bỏ công sức và tiền bạc của mình vào công cuộc xây dựng đô thị, họ sẽ có quyền đưa ra những quyết định vì họ là một phần của dự án. Các quyết định dựa theo những thông tin mà họ nhận được và ngược lại họ sẽ phát tán thông tin ra ngoài xã hội với những mục đích nhất định. Thông qua những công cụ xã hội này các mục đích và nhiệm vụ để cấu tạo nên đô thị đồng thời cũng được hình thành. Người TKĐT phải nắm bắt những mục đích và nhiệm vụ này để tìm cách thực hiện và hướng chúng tạo nên bộ mặt không gian đô thị.

Công cụ luật pháp (legislative tool): Trong cơ chế thị trường, không gian đô thị thường bị điều chỉnh theo hướng lợi nhuận, tuân thủ theo những qui luật của nền kinh tế thị trường cho nên dễ trở thành tự phát. Do đó luật pháp phải có nhiệm vụ điều khiển và dẫn dắt sự phát triển của đô thị theo những phương hướng đã định. Ở các nước phương Tây, sự hình thành và phát triển các bộ luật là cả một quá trình đấu tranh giữa các lợi ích của các nhóm, tầng lớp dân cư, đôi khi bỏ qua cả những lợi ích xã hội. Ở các nước như Mỹ và Úc, các luật chính tác động trực tiếp đến sự hình thành phát triển đô thị là: Luật công trình xây dựng (Building code), Luật sử dụng đất (Land use planning law, Zoning law), Luật môi trường đô thị (Urban environmental law) và ngoài ra còn có những luật liên quan khác như Luật thuế đất (Land taxation law), Luật phân bổ tài chính (Income redistribution law) vv.

Ở Mỹ cũng như một số nước tư bản, luật phân vùng-zoning được sử dụng rộng rãi bởi chính quyền cấp địa phương, thông thường là các chính quyền cấp thành phố. Nhiệm vụ chính của luật phân vùng là giới hạn lại các chức năng sử dụng đất ở từng lô đất cụ thể của thành phố, xác định cụ thể mật độ xây dựng, yêu cầu cụ thể từng thể loại thiết bị và công trình công cộng kèm theo như bãi đỗ xe, cây xanh, quảng trường. Bộ luật này đồng thời cũng được sử dụng để bảo vệ những giá trị xã hội và đặt lợi ích chung lên trên lợi ích cá thể. Ngoài ra còn rất nhiều hệ thống luật về quản lý đất và sử dụng đất mà ta sẽ đề cập ở phần sau.

Những quan điểm và xu hướng nổi trội trong TKĐT

Trước tiên chúng ta cần lưu ý đến hai trường phái tiêu biểu trong TKĐT là chủ nghĩa duy lý (Rationalism) và chủ nghĩa thực nghiệm (Empiricism) truyền thống và các biến dạng của chúng trong quan điểm TKĐT. Ở Mỹ, Úc và các nước tư bản, sự cạnh tranh gay gắt của nền kinh tế thị trường dẫn tới các công trình thiết kế nói chung đặt nặng vấn đề tài chính trong quan điểm TKĐT. Như vậy, ở đây, những lợi ích của xã hội sẽ bị bỏ qua hoặc bị coi nhẹ. Tuy nhiên ở những xã hội khác đôi khi cái đẹp và những giá trị khác lại được coi trọng. Tựu chung lại có bốn luồng tư tưởng chính chi phối công việc TKĐT trong thời gian gần đây:

- 1- TKĐT theo chủ nghĩa thực dụng và kinh tế: Luồng tư tưởng này rất nổi trội những năm gần đây do những lý do kinh tế thúc đẩy, đặc biệt là ở các nước đang phát triển. Ở các nước phương Tây điều này còn rõ hơn, các TKĐT là sản phẩm của nhu cầu kinh tế thị trường. Các thiết kế phải đáp ứng nhu cầu lợi nhuận của các nhà đầu tư và phát triển. Đối tượng phục vụ của các TKĐT loại này chủ yếu là những người làm kinh tế, mua và bán và chỉ dừng lại ở mức đơn thuần của văn hoá tiêu thụ.
- 2- TKĐT như là nghệ thuật vì cái đẹp: TKĐT chỉ đơn giản là phục vụ cái đẹp (arts) và là "bữa tiệc" của các kiến trúc sư. Mục đích chính của TKĐT có thể sẽ không mang nhiều tính xã hội hoặc kinh tế chính trị. Trong hầu hết thiết kế của TKĐT ít nhiều đều có mang hơi hướng của cái đẹp, trong TKĐT của những người theo trường phái hậu duy lý (Neo-rationalism) hoặc phi cấu trúc (Deconstructionism), cái đẹp lại được biểu hiện qua những hình học kỳ hà và sự cách giản trong không gian dẫn đến người sử dụng đôi khi không đánh giá hết cái đẹp mà nhường chỗ lại cho những chuyên gia trong nghề hoặc những người được hưởng thụ nền giáo dục cao hơn chiêm nghiệm.
- 3- TKĐT như là quá trình giải quyết các vấn đề của đô thị: Đây là quan điểm đang chiếm ưu thế ở Việt Nam hiện nay (và ở các nước phương Tây thập kỷ 60-70). Đây là quá trình dựa vào kinh nghiệm đã tích lũy là chủ yếu. Ở phương Tây trải qua nhiều giai đoạn lịch sử đã có những ghi chép và công trình nghiên cứu đầy đủ về các công trình TKĐT do đó họ có rất nhiều những dẫn chứng cụ thể để rút kinh nghiệm cho các công trình thiết kế sau này. Mọi vấn đề của đô thị dường như đều ít hay nhiều đã có những tiền lệ trước đó, nghiên cứu học hỏi, rút kinh nghiệm là vấn đề then chốt của dòng tư tưởng này. Ở Việt Nam thì mọi thứ dường như đều mới mặc dù các vấn đề này đã diễn ra ở các nước khác cách đây vài chục năm. Đây là điều mà giới chuyên môn thường truyền miệng câu miêu tả rất chính xác công việc của những người thực nghiệm chủ nghĩa ở Việt Nam là "thử, sai, sửa".
- 4- TKĐT như là thiết kế cộng đồng (Community design): là một vấn đề còn mới ngay cả đối với các nước phương Tây. Như đã phân tích ở trên, vấn đề xã hội là một phần không thể thiếu được trong TKĐT và công cụ xã hội bên cạnh công cụ luật pháp là hai công cụ làm việc chủ yếu của TKĐT. Trong xã hội các thành phần xã hội phải được tham gia đầy đủ trong quá trình làm TKĐT. Vai trò của cộng đồng là quan trọng trong quá trình làm chính sách và đưa ra quyết định. Đó là lý do vì sao có trào lưu mới này. Tuy nhiên, trào lưu thiết kế này nếu không cẩn thận thì sẽ rơi vào sự thoả hiệp giữa các phe phái hoặc trở thành cái mà người sử dụng nói muốn hơn là cái họ muốn nếu họ biết những khả năng thay thế tốt hơn khác đang tồn tại.

Phân loại công việc của TKĐT

Trên thực tế TKĐT được làm việc trong các trường hợp như: (1) Nơi người thiết kế hoặc nhóm thiết kế thực hiện toàn bộ công việc thiết kế từ A đến Z. (2) Trường hợp thiết kế được làm chủ yếu ở một giai đoạn, dưới sự chủ trì của một TKĐT gia và người đó sẽ chịu trách nhiệm cho toàn bộ quá trình thiết kế còn lại, với nhiều thiết kế gia hoặc nhiều nhóm thiết kế và các nhà phát triển cùng tham gia. (3) Trường hợp người thiết kế đô thị như là người thiết kế cơ sở hạ tầng. (4) TKĐT chỉ phụ trách vấn đề thiết kế các ý cơ bản ban đầu và đưa ra những hướng dẫn để thực hiện được những nhiệm vụ thiết kế ban đầu, đôi khi cũng đưa ra cả những hướng dẫn mang tính chi tiết cụ thể cho từng toà nhà. Theo Giáo sư Jon Lang một trong những người tiên phong trong lĩnh vực TKĐT thì cho trường hợp đầu tiên gọi là tổng thiết kế gia (Total designer), trường hợp thứ hai là thiết kế đô thị tổ hợp (All-of-a-Piece Urban design), trường hợp thứ ba là người TKĐT như là người thiết kế của cơ sở hạ tầng (Urban designer as designer of infrastructure), và trường hợp cuối cùng là người thiết kế đô thị như là người thiết kế những hướng dẫn thiết kế (Urban designer as designer of guidelines for design)

(1) *TKĐT gia như là người thiết kế toàn bộ (Total designer)*: đó là khi người thiết kế hoặc nhóm thiết kế phải thiết kế toàn bộ công trình, đưa ra những quyết định của toàn bộ quá trình thực hiện dự án. Có thể nói người thiết kế và nhóm thiết kế sẽ thiết kế tất cả từ lớn đến nhỏ từ “thành phố đến cái gạt tàn”. Trong thực tế hiện nay chúng ta có rất ít những công trình thiết kế qui hoạch theo kiểu này. Ngay cả trên thế giới cũng rất hiếm và chỉ xảy ra cách đây vài ba chục năm, Radburn, New Jersey và “Green belt town” từ những năm 30 là những ví dụ điển hình cho loại này. Ở nước ta, do cơ chế chính sách, việc thu tóm toàn bộ thiết kế đô thị ở các công trình lớn vào một cá nhân hay nhóm thiết kế là rất khó có thể diễn ra. Thông thường các công trình sẽ là sự tổ hợp của nhiều công ty và nhóm thiết kế, nghĩa là chỉ rơi vào trường hợp thứ hai và ba. Dĩ nhiên, hiện nay chúng ta có những thể loại thiết kế đô thị lớn mà người chủ đầu tư và xây dựng là một và vô hình chung những công ty này sử dụng luôn các đơn vị thiết kế của họ như HUD, Vinaconex vv. Tuy nhiên thể loại thiết kế này hay dẫn đến sự đơn điệu, giống nhau trong thiết kế. Điều này thể hiện rất rõ trong các công trình thiết kế đô thị gần đây mà chủ đầu tư, xây dựng và thiết kế là một.

2-*Thiết-kế đô thị tổ hợp (All-of-a-piece urban design)*: thường được làm bởi một đơn vị thiết kế. Họ thiết kế ở giai đoạn đầu và soạn ra những yêu cầu và hướng dẫn cho các kiến trúc sư, các nhà phát triển, các đơn vị thiết kế khác tham gia trong quá trình thiết kế về sau. Trường hợp này là phổ biến và cho phép sự đa dạng trong thiết kế đô thị. Tuy nhiên, các TKĐT theo kiểu này thường có sự chông chéo với trường hợp thứ 3 và thứ 4. Sự khác biệt chủ yếu hiện nay cho trường hợp đầu tiên là: người TKĐT hoặc nhóm thiết kế đô thị sẽ làm việc như người kiểm tra tổ hợp lại tất cả các đồ án thiết kế khác nhằm đồng bộ và phù hợp với thiết kế của nhóm ban đầu để ra. Có lẽ công trình thiết kế lớn và nổi tiếng ở dạng này được thực hiện gần đây là công viên Parc de la Villette ở Paris được biết đến như là công trình tiêu biểu theo trường phái phi cấu trúc (Deconstructionist), người thiết kế chính cho công trình này là Bernard Tschumi. Thiết kế của công viên Parc de la Villette dựa vào rất nhiều các thiết kế của từng kiến trúc sư nổi tiếng nhưng tất cả đều theo những nguyên tắc thiết kế cơ bản được đưa ra bởi Bernard Tschumi.

3-*Người thiết kế đô thị như là người thiết kế cơ sở hạ tầng kiến trúc (The urban designer as designer of infrastructure)*: Cơ sở hạ tầng kiến trúc như không gian công cộng, công viên, đường xá, trụ sở cơ quan, bệnh viện trường học vv là những cơ sở hạ tầng quan trọng hình thành bộ mặt đô thị. Cơ sở hạ tầng hình thành qui hoạch đất sử dụng, đồng thời kết hợp với các công trình có trên đó tạo ra không gian đô thị và do vậy là một phần công việc của người thiết kế đô thị. Ở Mỹ hay Úc thì việc thiết kế giao thông được TKĐT nghiên cứu và coi trọng nhiều nhất do những thành tựu họ đạt được trong công nghệ giao thông. Đã có những thiết kế thành phố chú trọng vào mạng lưới giao thông và phương tiện sử dụng những năm 70-80 như thành phố ô tô (Car city). Ở nước ta do những hạn chế về kinh tế cũng như trình độ kỹ thuật, thiết kế cơ sở hạ tầng bị coi nhẹ và chỉ còn đơn giản như vạch đường, vẽ cầu trên khía cạnh thiết kế công trình đơn thuần mà quên đi ý nghĩa không gian đô thị trên bề mặt rộng hơn.

4-*Người thiết kế đô thị như là người thiết kế hướng dẫn thiết kế (The urban designer as designer of guidelines for designer)*: là công việc gần với người làm qui hoạch và là cầu nối giữa chính sách và thiết kế kiến trúc của một khu vực. Trong thể loại thiết kế hướng dẫn, người thiết kế đô thị phải đưa ra được những định hướng hoạt động rõ ràng cho TKĐT trong từng giai đoạn phải làm gì, chi tiết hướng dẫn, phân loại và qui định thiết kế cho từng thể loại nhà, hay công trình. Ở Việt Nam những hướng dẫn thiết kế qui hoạch chi tiết có nhiều nhưng phần lớn là chung chung không cụ thể dẫn đến người thực hiện muốn hiểu như thế nào cũng được.

Có hai loại TKĐT theo hướng dẫn đó là hướng dẫn theo qui tắc, chỉ thị (Prescriptive) và hướng dẫn theo trình diễn, biểu hiện (Performance).

1- TKĐT theo qui tắc và chỉ thị (Prescriptive) được hiểu như là qui định giới hạn hoặc là các khung cứng mà khi thực hiện các công trình thì người thực hiện bắt buộc phải tuân thủ. Thiết kế hướng dẫn này chủ yếu làm bằng những văn bản hướng dẫn, dùng chữ để dẫn giải là chính. Phần này gần giống với các công việc của QHĐT.

2- TKĐT theo trình diễn và biểu hiện (Performance) là TKĐT theo kiểu đưa ra những hình ảnh, hay những dự án ý tưởng để hướng các thành phần tham gia khác có khái niệm cái sẽ thiết kế. Ví dụ như ý tưởng thiết kế về môi trường bền vững với các biểu hiện bản vẽ qui định hướng gió, bóng đổ, tia chiếu sáng vào những nơi được xác định vv. Ở đây, TKĐT sẽ làm việc chủ yếu dựa vào các hình vẽ hoặc biểu đồ mang tính gợi ý, sau đó trong quá trình thực hiện sẽ thông qua sự tư vấn của các đơn vị thiết kế, rồi mới có thể thực hiện được.

Kiểu thứ hai có lợi ở chỗ chúng không đòi hỏi những kiểu dáng kiến trúc chuẩn, cụ thể. Nhưng chúng lại có những hạn chế như cần rất nhiều sự trợ giúp, tham gia của các thành phần liên quan để chuyển tải hướng dẫn này thành chi tiết và có thể áp dụng được.

Các công việc Thiết kế đô thị tại Việt Nam

- **Thiết kế các khu đô thị mới:** Đa phần các khu đô thị mới được thiết kế đến từng đồ án thiết kế nhỏ nhất để tạo hình ảnh mong muốn của các nhà thiết kế đô thị, các nhà quy hoạch hay cho chính bản thân chính quyền đô thị đó.
- **Thiết kế các đồ án lớn:**

- **Khu vực nhỏ trong Khu ĐTM:** các khu này có thể là khu trung tâm, khu vực nhà ở hay một khu riêng biệt nào đó trong khu ĐTM. Có hai cách thiết kế: thiết kế toàn bộ và xây dựng theo đúng những gì đã vẽ hoặc thiết kế và xây dựng hệ thống hạ tầng và dùng các hớng dẫn.

- **Cải tạo nâng cấp đô thị:** các công trình bị phá hủy do chiến tranh, không còn phù hợp với cuộc sống hiện đại nên cần cải tạo chỉnh trang theo những dạng đồ án TKĐT

- **Phát triển khu vực ngoại ô:** Trong quá trình đô thị hoá các đô thị lớn và cực lớn, nhu cầu về di chuyển các nhà máy, KCN hay bùng nổ dân số trong khu vực nội đô sẽ đòi hỏi việc mở rộng ra ngoại ô các khu vực xây dựng mới nh: các KCN tập trung, các Khu đô thị mới, các khu nghỉ cuối tuần hay các khu công viên ngoại ô (hoặc chuyên đề).

Ngoài ra còn có một dạng đồ án đặc biệt khác TKĐT - các khu công viên chức năng đặc biệt/chuyên đề. Các khu vực này sẽ được tạo ra bằng các dự án tổng hợp bao gồm từ qui hoạch sử dụng đất, tổ chức không gian, dự án đầu tư, và thường được thiết kế chi tiết cho đến từng công trình nhỏ

Khu đô thị mới Mỹ Đình, Hà Nội - Việt Nam là một ví dụ về loại đồ án có thể áp dụng phương thức TKĐT.

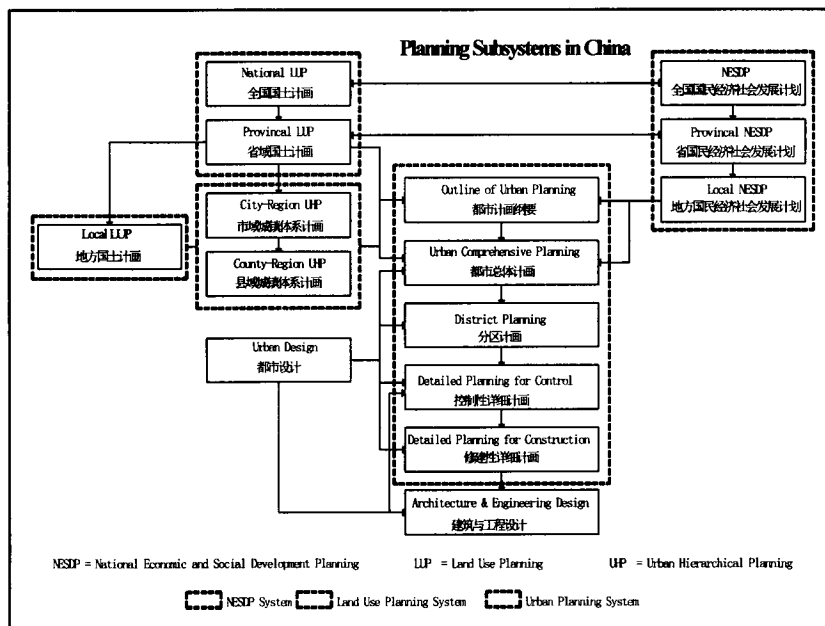


KHU ĐÔ THỊ MỚI MỸ ĐÌNH II - TỰ LIÊM - HÀ NỘI

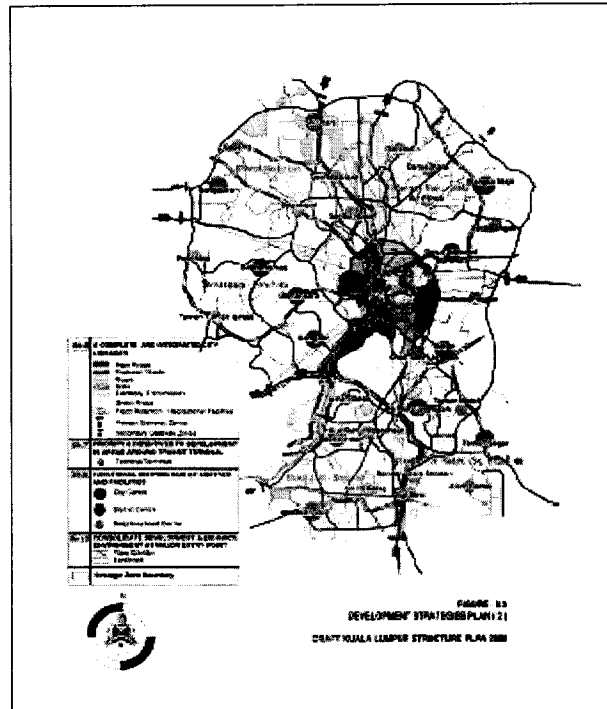
Vị trí của TKĐT trong hệ thống qui hoạch phát triển

TKĐT trong qui hoạch đô thị ở mỗi nước có vị trí khác nhau. Ở đây chúng ta sẽ nghiên cứu hệ thống qui hoạch của một số nước để tham khảo xem TKĐT sẽ tham gia vào cấp độ nào trong hệ thống đô thị. Úc và Mỹ là những nước phát triển có hệ thống quản lý qui hoạch khá hoàn chỉnh trong khi đó Việt Nam và Trung Quốc đang trong giai đoạn thực hiện và hoàn chỉnh quản lý hệ thống qui hoạch.

- Vị trí của TKĐT trong hệ thống qui hoạch của Trung Quốc:

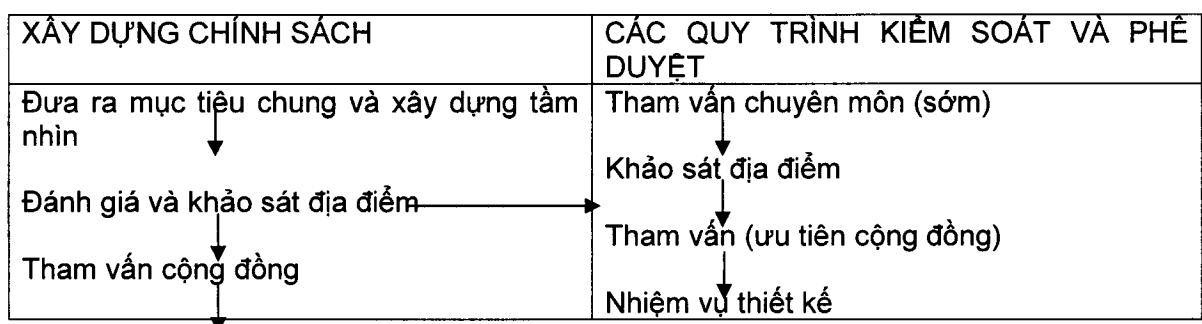


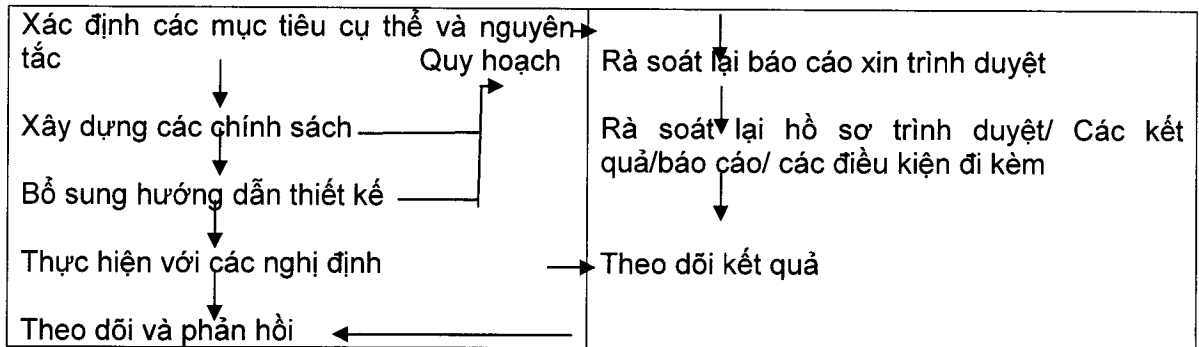
BẢN QUI HOẠCH KUALA LUMPUR (DỰ KIẾN PHÁT TRIỂN ĐẾN NĂM 2020 - QUI HOẠCH CƠ CẤU)



Trung Quốc đã có những bước sáng tạo khi vận dụng TKĐT vào trong các qui trình qui hoạch. Trong sơ đồ trên, ta có thể thấy là TKĐT được nghiên cứu ngay ở những bước đầu tiên ở tỉ lệ lớn, trong qui hoạch vùng và thành phố với tỉ lệ 1/10000, tại qui hoạch chung này giống như qui hoạch tổng thể-master plan của chúng ta. TKĐT chủ yếu dừng lại ở những hình ảnh mang tính định hướng tương lai các đô thị hoặc những qui định mang tính chiến lược. Xuống các cấp độ qui hoạch nhỏ hơn TKĐT cũng trở nên chi tiết và cụ thể hơn. Trung Quốc cũng có những phân định các bộ các ngành quản lý gần giống như của ta. Những sơ đồ trong màu xanh lá cây thuộc về sự quản lý của bộ xây dựng, còn những sơ đồ trong màu tím nhạt lại thuộc về một bộ mà chức năng và nhiệm vụ gần giống như bộ tài nguyên môi trường nước ta. Trong đó phần lớn trách nhiệm về quản lý và phân quyền sử dụng đất thuộc về bộ này.

Qui trình lập thiết kế đô thị (mang tính tham khảo)





Bảng trên cho thấy mối liên hệ giữa việc ra các chính sách và hướng dẫn thiết kế và quá trình kiểm soát phát triển. Nó cho thấy sự liên hệ mật thiết giữa quá trình xét duyệt bên tay phải và quá trình làm thiết kế đô thị bên tay trái. Các qui trình này qua lại và cơ bản cũng trên một chu trình từ xác định tầm nhìn phân tích quá trình phản biện xã hội lập các đề xuất cụ thể là chính sách và hướng dẫn thiết kế dung các công cụ kiểm soát để thực hiện đánh giá lại quá trình thực hiện.

MỤC TIÊU CHUNG

Tuyên bố chung về tương lai mong muốn của địa phương

Khu vực rộng lớn và/hoặc khu vực cụ thể

CÁC MỤC TIÊU CỤ THỂ

Tuyên bố chính xác hơn về mục tiêu của thiết kế

Có thể đo lường được hay không

Sự tương tác giữa mục tiêu chung, các hình thức, áp lực của Nhà nước, các giá trị địa phương

CÁC NGUYÊN TẮC

Kết nối giữa các mục tiêu cụ thể và hình thức trong tương lai

CÁC HƯỚNG DẪN

Cụ thể hóa quá trình đạt được mục tiêu

Hình thức	Thực hiện
Hình thức sản phẩm cuối cùng, kích thước, cách trình bày (dễ dàng cho việc đánh giá)	Chất lượng sản phẩm và các hoạt động (khó đánh giá hơn)

TƯ VẤN

Hướng dẫn cụ thể hơn về quá trình đạt mục tiêu/giải thích các tiêu chí

CÁC QUY TRÌNH

Thẩm định, tham vấn, đưa ra nhiệm vụ thiết kế, tư vấn, minh họa, đánh giá

CÔNG CỤ THỰC HIỆN

Các khoản tài trợ, kiểm soát, hiệp định, luật, phân vùng...

các hệ thống chuẩn mang tính miêu tả văn bản(prescriptive standard)

- Ví dụ của hệ thống miêu tả văn bản
- chiều cao cực đại 9,5m
- mật độ xây dựng .65:1
- khoảng lùi tối thiểu mặt phố 6 m
- khoảng lùi tối thiểu so với đường chu vi 1,5

Trong thiết kế đô thị việc xác định được các tầm nhìn và các mục đích cụ thể là quan trọng nhất vì từ những mục đích tầm nhìn này thì chúng ta mới biết nhiệm vụ của chúng ta cần làm gì và từ các nhiệm vụ cụ thể chúng ta phải đưa ra các nguyên tắc thiết kế cơ bản để hoàn thành các nhiệm vụ này. Từ các nguyên tắc thiết kế chúng ta có thể đưa ra các hướng dẫn thiết kế cơ bản một bên rất cụ thể dễ hình dung nhưng lại đôi khi cứng nhắc và để lại ít không gian cho sáng tạo(prescriptive) một bên thì rất linh động khó thâm nhập hơn và dành nhiều khoảng trống cho sáng tạo(performance).

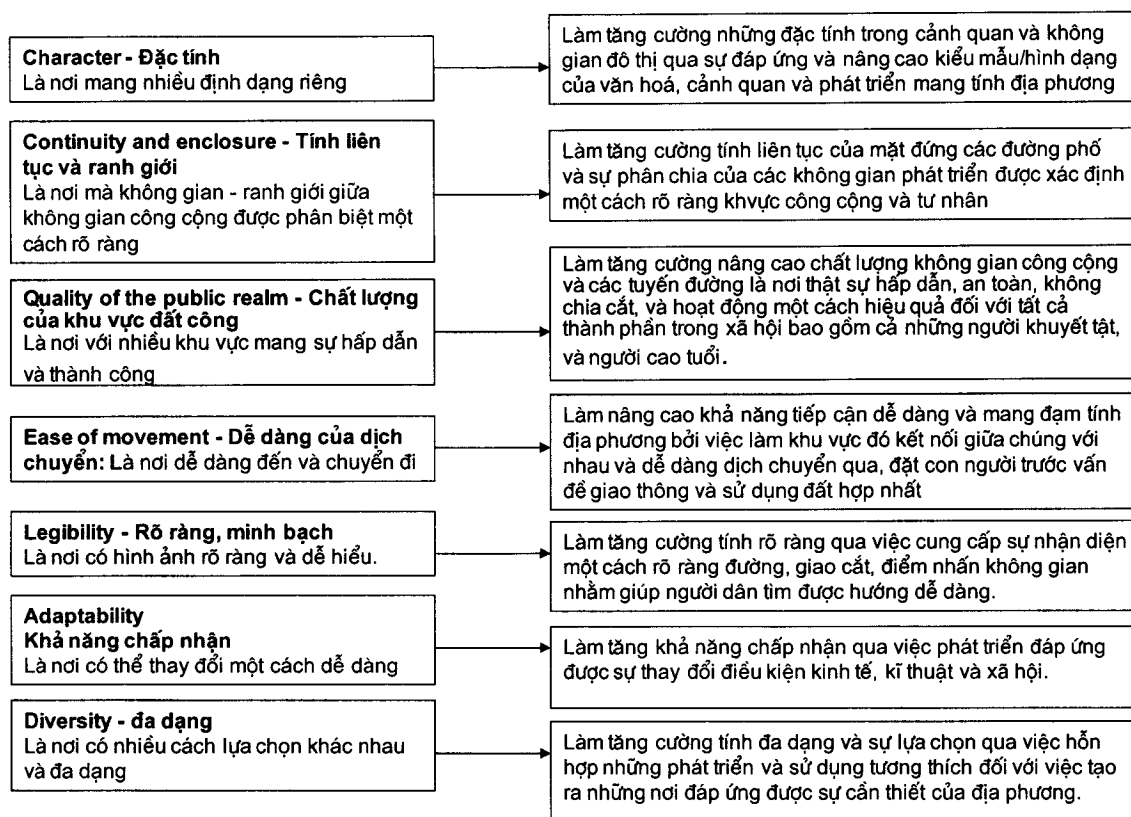
hình thức miêu tả bằng biểu diễn chất lượng (performance standard)

- Ví dụ của hình thức chuẩn này(ví dụ về ánh sáng tự nhiên)
- Nhiệm vụ đặt ra: các khu vực ở và khu không gian mở cá nhân nên nhận được ánh sáng tự nhiên hợp lý
- Hình thức chuẩn miêu tả biểu diễn chất lượng:
- Các nhà ở nên được thiết kế nhằm mục đích các phòng ở và 50% các không gian mở cá nhân nhận được 3 tiếng chiếu sáng mặt trời từ 9 giờ sáng đến 3 giờ chiều giữa mùa đông

National design conceptualization				
	Toward an Urban renaissance (1999)	By design, Urban design in System(2001)	Urban design Compendium (2000)	Better Places to Live, By Design (2001)
Sustainable urban design(thiết kế bền vững)	Building to last Sustainable buildings Environmental Responsibility(Bền vững)	Adaptability(sự thích ứng)	Manage the investment Design for change(sự quản lý đầu tư cho sự thay đổi)	Adaptability Maintenance Sustainability(sự thích ứng, và sự bền vững)
Townscape(Cảnh quan đặc trưng)	Context scale and character(bối cảnh tỷ lệ, và tính cách)	Character(tính cách)	Work with the landscape(làm việc với cảnh quan)	Structure Detail (chi tiết cấu trúc)
Urban form(cấu trúc và hình thức đô thị)	Optimizing land use and density(hợp lý hóa sử dụng đất và mật độ)	Continuity and enclosure (tính liên tục đóng mở)	Mix forms(sự pha trộn đa năng)	Space (không gian)
Public realm(không gian công cộng)	Public realm (không gian công cộng)	Quality of public realm Legibility (chất lượng không gian công cộng và sự dễ nhận biết)	Places for people (nơi chốn cho con người)	Parking Safety (bãi đỗ xe và sự an toàn)
Mixed use and Tenure(đa năng, đa dạng)	Mixing activities Mixing tenures (sự pha trộn hoạt động và người sử dụng)	Diversity (sự phong phú)	Mix uses (đa chức năng)	Mix Amenity Community (sự đa dạng các tiện ích công cộng)
Connection and Movement(kết nối và chuyển động)	Access and permeability (sự tham nhập và thâm thấu)	Ease of movement(sự dễ dàng trong di chuyển)	Make connections(tạo ra sự kết nối)	Movement Layout (các mặt bằng về di chuyển)
Application to context(hiện trạng và bối cảnh)	Site and setting (về thực địa và các bối cảnh thực trạng)	Application to 8 aspects of urban form (những yếu tố liên quan đến 8 thành tố về cấu trúc đô thị)	Enrich the existing (làm giàu về thực trạng)	Place(những yếu tố về khu vực)

Mục tiêu chung của thiết kế đô thị

Trong bảng so sánh các mục tiêu chung của thiết kế đô thị phía dưới: chúng ta có thể hiểu được rằng Thiết kế đô thị chủ yếu giải quyết các vấn đề về vấn đề bền vững, vấn đề bản sắc và cảnh quan đặc trưng, cấu trúc và hình thức đô thị, không gian mở, sự đa dạng, kết nối và chuyển động, tôn trọng hiện trạng và bối cảnh.



Bảng nội dung phân tích và bản vẽ cần đề phụ vụ mục tiêu chung của thiết kế đô thị

TÍNH ĐẶC TRƯNG	
CÁC ĐẶC TÍNH TỰ NHIÊN	
1-Các cảnh quan tự nhiên và kiểu dáng	Nơi nghiên cứu có các kiểu cảnh quan gì?
2-Kiểu dáng địa hình	Nơi nghiên cứu có địa hình gì? chỗ nào cao chỗ nào thấp?
3-Về nước	Nước có ở đâu? Chúng chảy thế nào? (Kể cả sông, suối, hồ ao, đầm, và các giải phân lũ)
4-đất và nền đất	Đất, đá nền ở khu vực nghiên cứu là gì?
5-Hệ sinh thái	hệ sinh thái của khu vực là gì? Chúng tồn tại và phát triển như thế nào
6-Cây và các hàng rào cây	Cây cối và các hàng rào cây được tìm thấy tại khu vực là gì? địa điểm? Giống loài? điều kiện nào? Kích cỡ? Các thứ tự bảo vệ?
7-Khí hậu	Khí hậu của khu vực nghiên cứu thuộc loại khí hậu gì? Gió chủ đạo các mùa là gì?
8-Vi khí hậu	Các vi khí hậu tại các khu vực nghiên cứu cụ thể là gì? Ví dụ như gió thời tiết, các khu vực tạo gió hình phễu, các hướng gió lạnh, các khu vực lạnh giá nhỏ, những vũng ẩm ướt?
9- Sự định hướng	Hướng nào khu vực nghiên cứu dốc về? hay hướng nào khu vực nghiên cứu quay về hướng mặt trời?
CÁC ĐIỀU KIỆN DO CON NGƯỜI	

1-Các vùng biên, phạm vi, ranh giới	đâu là phạm vi ranh giới của khu vực nghiên cứu?
2-Khu vực	Đâu là khu vực cần được quan tâm(Ha)
3-Ô nhiễm đất	Đất khu vực nào bị ô nhiễm? Cái gì liên quan để làm chúng sạch lại?
4-Hàm mỏ, Đục khoét ngầm	Khu vực nghiên cứu có chỗ nào bị đào ngầm
5- ô nhiễm không khí và nguồn nước	Chỗ nào bị ô nhiễm không khí và nguồn nước? Cái gì liên quan để làm giảm ô nhiễm hay làm khu vực trong sạch trở lại?
6-Chất lượng thẩm mỹ	Khu vực nào và địa điểm nào có các điểm hấp dẫn?
7-Tiếng ồn	Khu vực và địa điểm nào chịu ô nhiễm ồn, Cái gì liên quan làm giảm tiếng ồn?
8-Lịch sử phát triển	Lịch sử phát triển khu vực là gì?
9-Các hình thức ở	Các hình thức khu phố là gì? mặt bằng như thế nào?
10-Khảo cổ học	Có khu vực nào cần điều tra khảo cổ
11-Các đặc điểm văn hoá và di tích	Cái gì là đặc trưng về cách người dân sống hiện tại và quá khứ
12-lịch sử địa phương	Khía cạnh lịch sử địa phương gì có khả năng liên quan đến tương lai phát triển
13-Các sự kiện và lễ hội	Những hoạt động và lễ hội gì nên chú ý cho tương lai phát triển
14-Tên các khu vực	Tên các khu vực đáng chú ý liên quan đến tương lai phát triển
15-Niên giám thống kê	Những thống kê nào đáng chú ý liên quan đến khu vực đang nghiên cứu
CÔNG TRÌNH KIẾN TRÚC	
1-Màu sắc và các hoạ tiết trang trí	Những gì là các màu sắc hoạ tiết kiến trúc điển hình trong khu vực nghiên cứu
2-Mặt đứng	Các kiểu dáng mặt trước toà nhà điển hình của khu vực là gì?
3-Các cấu thành của toà nhà, cửa sổ	Cách sử dụng đặc trưng các cấu thành của toà nhà ví dụ như cửa sổ, cửa ra vào, mái đua,
4-Nhịp điệu và các mẫu	Các qui luật và trật tự tồn tại trên phố
5-Các chi tiết	Các chi tiết và vật liệu sử dụng thường được người dân sử dụng trong khu vực thích thú
6-Vật liệu địa phương và khu vực	Các vật liệu truyền thống ở địa phương và trong khu vực là gì?
7-Tính bản địa	Các nhà thầu làm việc hoặc đã xây dựng theo cách truyền thống riêng như thế nào?
8-Độ tuổi các công trình	Các tuổi công trình trong khu vực cần nghiên cứu
9-Các khu vực bảo tồn	Khu vực nào bảo tồn? đặc điểm và tích đặc trưng?
10- Các công trình kiến trúc	Trong khu vực có toà nhà hay công trình kiến trúc nào có giá trị?
SỰ LIÊN TỤC VÀ TÍNH ĐÓNG MỞ	
1-Tính liên tục	Các dãy hay hàng các công trình kiến trúc có liên tục? Có các khoảng trống và khoảng lùi bất bình thường nào làm mất tính liên tục?
2-Sự đóng mở	Những chi tiết, công trình hay đặc điểm gây cảm giác bao lại hay đóng lại của một không gian?
3-Điểm nhìn phía sau	Có các công trình nào diện phía sau đối diện với không gian công cộng bao gồm cả đường?
4-Mặt tiền	Các mặt tiền các dãy nhà hay công trình hoạt động hay không có hoạt động?
CHẤT LƯỢNG CỦA CÁC KHÔNG GIAN	

CÔNG CỘNG	
1-Bị bỏ rơi	Có không gian công cộng nào hay các đường giao thông bị bỏ rơi hay không chú ý tới trong khu vực nghiên cứu?
2-Các cảnh quan cứng	Chất lượng của lề đường, vỉa hè, tường, bậc thang, bờ dốc?
3-Cây trồng	Các khu vực trồng cây, cỏ như thế nào?
4-Các trang thiết bị đường phố	Các biển báo, ghế ngồi, thùng rác, cọc buộc tàu thuyền, các nắp hố ga, các lưới sắt gốc cây, hàng rào
5-các công trình kiến trúc nhỏ	Chỗ đợi xe buýt, các cửa hàng kiốt, quầy bán hàng, các điểm hướng dẫn du lịch, các cầu đi bộ, các đèn hiệu, và các loại công trình hiện có trong khu vực nghiên cứu?
6-An ninh và tính an toàn	Các trang thiết bị tăng tính an toàn và đảm bảo an ninh khu vực
7-bảo dưỡng DUY TU	Làm thế nào để có những khu vực dễ dàng đi lại để duy tu bảo quản
SỰ DỄ DÀNG CHO DI CHUYỂN	
1-Giao thông công cộng	Các tuyến giao thông công cộng và các điểm đỗ?
2-Hệ thống đường	Các hệ thống đường liên kết như thế nào?
3-Khả năng xâm nhập	Khả năng hoặc tiềm năng xâm nhập cho các phương tiện giao thông, bao gồm cả xe đạp xe máy và tuyến đi bộ?
4-Các điểm đỗ xe	Hệ thống đỗ xe?
5-Các tuyến đi bộ	Người dân khu vực thường đi bộ ở đâu? Nơi nào họ thích đi tới?
6-Xe đạp	Những tiện ích cho xe đạp ở đâu?
7-Các dự án giao thông	Những dự án nào đã và đang triển khai trên khu vực nghiên cứu
8-Đánh giá giao thông	CÓ các đánh giá giao thông không?
9-Các kế hoạch qui hoạch cho các tuyến du lịch xanh	CÓ hay không và như thế nào?
10-Chất lượng không khí	Các chất lượng không khí ảnh hưởng thế nào đến các tuyến giao thông được lựa chọn?
SỰ DỄ HIỂU VÀ RÕ RÀNG	
1-Các hình tượng và sự nhận biết khu vực	Các hình ảnh, hình tượng được nhận biết qua người khách du lịch và bản thân người sống ở khu vực nghiên cứu là gì?
2-Các điểm nhìn	Các điểm nhìn từ các điểm cụ thể và xung quanh khu vực nghiên cứu
3-Các điểm nhìn chiến lược	Các điểm nhìn từ một khoảng cách xác định và khoảng cách đó là bao nhiêu?
4-Vistas(Các hành lang nhìn)	Có các hành lang nhìn xuyên qua các điểm nhân đô thị?
5-Điểm nhấn	Công trình hoặc toà nhà nào là điểm nhấn nổi bật trong khu vực nghiên cứu?
6-Đường chân trời	Những toà nhà nào có thể nhìn thấy nổi bật trên đường chân trời
7-Cảnh quan mái nhà	CÓ những điểm nhìn mái nhà từ khu vực nghiên cứu và đặc trưng tính chất của mái nhà trong khu vực
8-Các cửa ngõ	Có các khu vực làm cửa ngõ được không?
9-Các ngưỡng cửa	Các khu vực tại khu ranh giới có thể là các điểm hoặc ranh giới của sự thay đổi
10-Các đường biên	Các đường biên và lá chắn có trong khu vực là gì?
11-Các điểm nút giao thông	Nơi nào là các điểm nút giao thông hay các tuyến giao thông tập trung?

TÍNH THÍCH NGHI	Những mặt hay khía cạnh nào của khu vực hoặc những công trình kiến trúc mang tính thích nghi cao?
TÍNH ĐA DẠNG	Những mặt hay khía cạnh nào của khu vực hoặc những công trình kiến trúc mang tính đa dạng và đa chức năng
SỰ TẬP TRUNG VÀ TÍNH HIỆU QUẢ	Những mặt hay khía cạnh nào của khu vực hoặc những công trình kiến trúc đóng góp vào việc sử dụng năng lượng tích kiệm và hiệu quả
1-Năng lượng mặt trời	Các cơ hội sử dụng ánh sáng tự nhiên, tập trung ánh sáng mặt trời, các pin mặt trời, hoặc năng lượng địa nhiệt bằng các máy bơm
2- Nước	Các cơ hội giảm thiểu rò rỉ nước, giảm thiểu rủi ro về lũ lụt, and tăng cường tái sử dụng nước thải, sử dụng các hệ thống nước tuần hoàn làm mát nhà
3-Gió	Làm thế nào để sử dụng năng lượng gió như là một nguồn năng lượng?
4-Rác thải	Tăng cường sử dụng các vật liệu có thể tái sử dụng và hạn chế vật liệu khó tái chế?
CÁC HẠ TẦNG KỸ THUẬT VÀ TIỆN ÍCH	Có những cơ hội nào có thể tập trung sử dụng đất với giao thông và các môi trường tự nhiên?
Đường	Các đường nào gần hoặc ngay cạnh khu vực cần nghiên cứu
Địa điểm	Có các tiện ích và dịch vụ nào ở khu vực đang nghiên cứu?
Khả năng phục vụ	Khả năng phục vụ của các loại hình dịch vụ? Bao gồm cả điện, nước, gas, cáp ti vi, internet...

Mục tiêu của thiết kế đô thị tựu chung lại có thể theo bảng trên. Mục đích đầu tiên là tính đặc trưng. Trong tính đặc trưng thì luôn có hai phần: phần điều kiện tự nhiên và nhân tạo. Tính liên tục và sự đóng mở luôn được coi trọng trong TKĐT. Trong không gian đô thị các khu đặc trưng, mặt tiền, mặt sau, nhịp điệu công trình.. tất cả cần được nghiên cứu kỹ lưỡng trong thiết kế đô thị.

Một trong những mục tiêu quan trọng của TKĐT là tạo ra một không gian mở hay không gian công cộng chất lượng- chú ý đến các thành tố tạo dựng một không gian công cộng như các vỉa hè tượng đài, các trang thiết bị đường phố..vv.

Sự dễ hiểu và rõ ràng liên quan tới chuyển động và chủ yếu tập trung nghiên cứu các tầm nhìn, hành lang nhìn các yếu tố cảnh quan thị giác dựa trên các thuyết về thiết kế đô thị của Kevin Lynch.

Tính thích nghi, tính đa dạng và sự tập trung và hiệu quả luôn được tính đến trong TKĐT. Sử dụng năng lượng và hiệu quả như năng gió nước và hệ thống vi khí hậu luôn tạo dựng một không gian đô thị bền vững.

Các hạ tầng kỹ thuật và tiện ích đô thị cũng luôn được nhắc tới như là một phương châm luôn cần được quan tâm trong thiết kế đô thị.

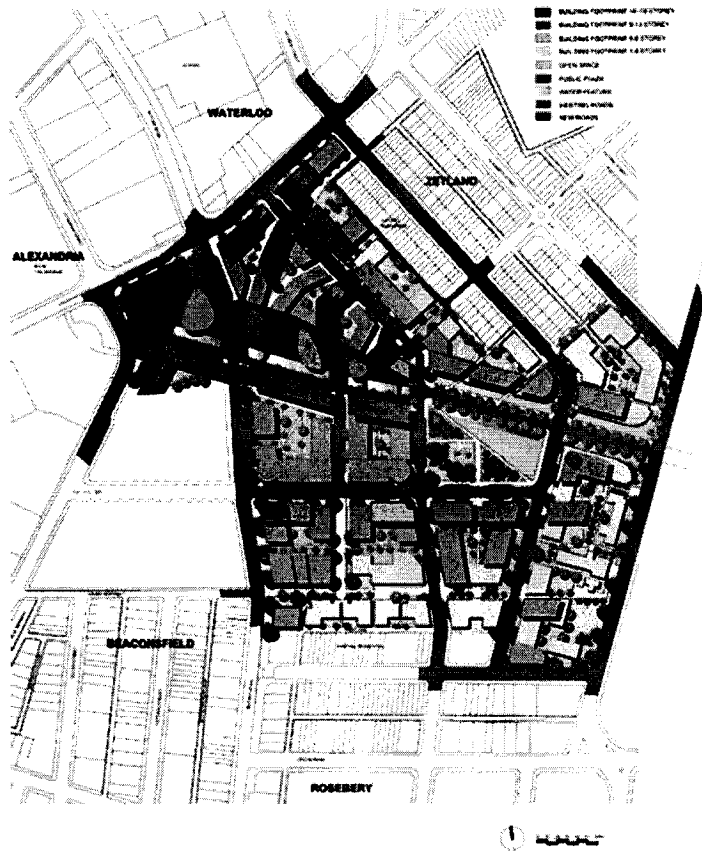
Nội dung thiết kế đô thị

Phân tích thiết kế đô thị.

Một khâu quan trọng nữa trong qui trình làm thiết kế đô thị là phân tích thiết kế đô thị để tìm ra các vấn đề không gian cảnh quan rồi từ đó xác định được tầm nhìn và mục đích. Về cơ bản trong thiết kế đô thị có 4 phần cần quan tâm- môi trường, chuyển động, các hình dáng kiến trúc cấu trúc đô thị, và hoạt động xã hội. Tất cả sẽ được xem xét dựa trên khía cạnh không gian giữa các tòa nhà và chú ý nhiều đến lĩnh vực công cộng (public realm).

Các đặc điểm	Chi tiết
hình thức đô thị và kiến trúc công trình	các ví dụ
1 chiều cao công trình	Cao độ hiện trạng, bao gồm cao độ nền
2 phát triển các địa điểm – phê duyệt các địa điểm dự kiến	những địa điểm được xác định và phân tích
3 các công trình và khu vực có giá trị về mặt lịch sử	Các công trình được công nhận là di sản và các công trình có giá trị khác
4 số liệu hiện trạng, mật độ sử dụng đất và các mô hình chia lô	số liệu trong quy hoạch – sử dụng không ảnh
5 các tầm nhìn và viễn cảnh chính	Xác định các công trình trọng điểm và các viễn cảnh chính với ảnh minh họa
6 những khu vực có sự thay đổi	những khu vực được xác định trong nhiệm vụ thiết kế và đã được phân tích
Môi trường	
7 các mạng lưới xanh – các công viên, không gian mở	Các công viên hiện tại và dự kiến, quảng trường và các lối đi
8 cây xanh đường phố	Cây cối hiện có và các khu vực cây xanh cần cải tạo
9 đường thủy và các yếu tố mặt nước	hiện trạng và nguyên trạng
10 các hệ thống sinh thái và môi trường – gió, năng,...	phạm vi ảnh hưởng
11 thay đổi khí hậu	Các khu vực bị ảnh hưởng khi mực nước sông dâng lên cao hơn 1m
12 quản lý nguồn nước và thoát nước	
Chuyển động	
13 hệ thống đường phố	Các phố chính hiện tại, các phố liên kết và đường nội bộ
14 bãi đỗ xe	hiện trạng và đề xuất

15 bãi đỗ xe và đường phố nơi không được đỗ xe	hiện trạng và đề xuất bao gồm các tuyến phố
16 cuộc sống đường phố và các hoạt động (ngày và đêm)	Các điểm mật độ cao và các điểm hạn chế hoạt động
17 mạng lưới đường dành cho người đi bộ	Hai bên đường và xuyên qua các không gian – các rào cản
Xã hội và văn hóa	
18 các biểu tượng văn hóa	Nhà hát, bảo tàng
19 các dịch vụ và tiện ích	trường học, bệnh viện
20 các khu vực bán lẻ	Nhà cửa hàng, khu vực buôn bán, các chợ trung tâm, quán cafe
21 các khu vực sử dụng đất và đặc điểm	
22 giá trị văn hóa	
23 khác	



Các qui chuẩn
thiết kế đô thị
GSTC(urban
design
principles,
Master Plan)

Khu vực trung tâm(
Public domain)

Master plan



Qui chuẩn thiết
kế và hình dạng
công trình kiến
trúc(built form)

- kiểu loại ,
chiều cao
và qui
định giật
cấp

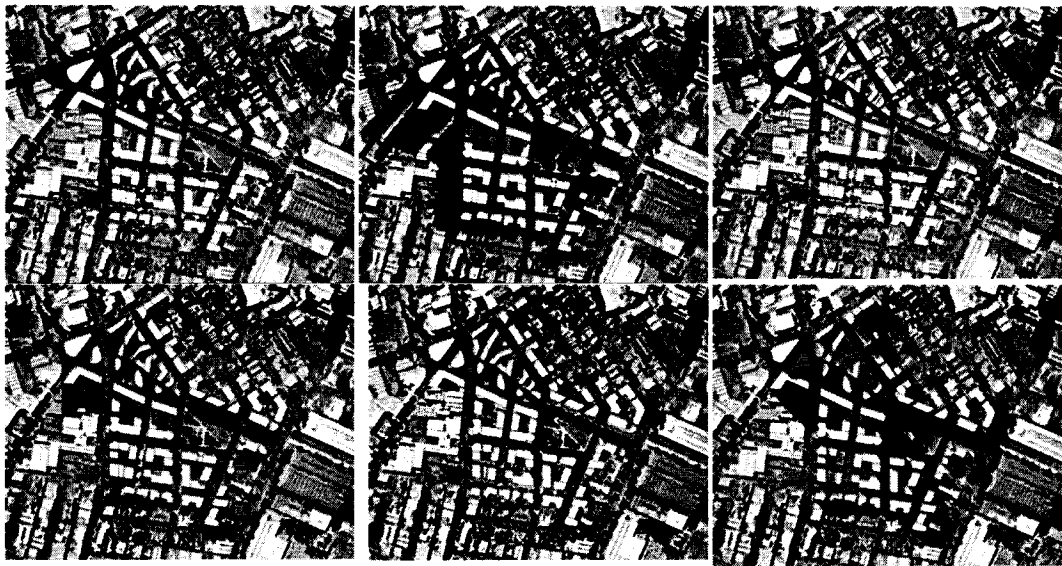
Dựa trên các phân tích theo 4 phần chính thì luôn có một sự liên hệ nhất định giữa các mục tiêu của thiết kế đô thị với bốn phần chính của nội dung thiết kế đô thị. Tất cả

tạo ra một hệ thống liên hoàn và phục vụ cho một không gian đô thị 3 chiều phục vụ cho con người.

Nội dung bản vẽ thiết kế đô thị:

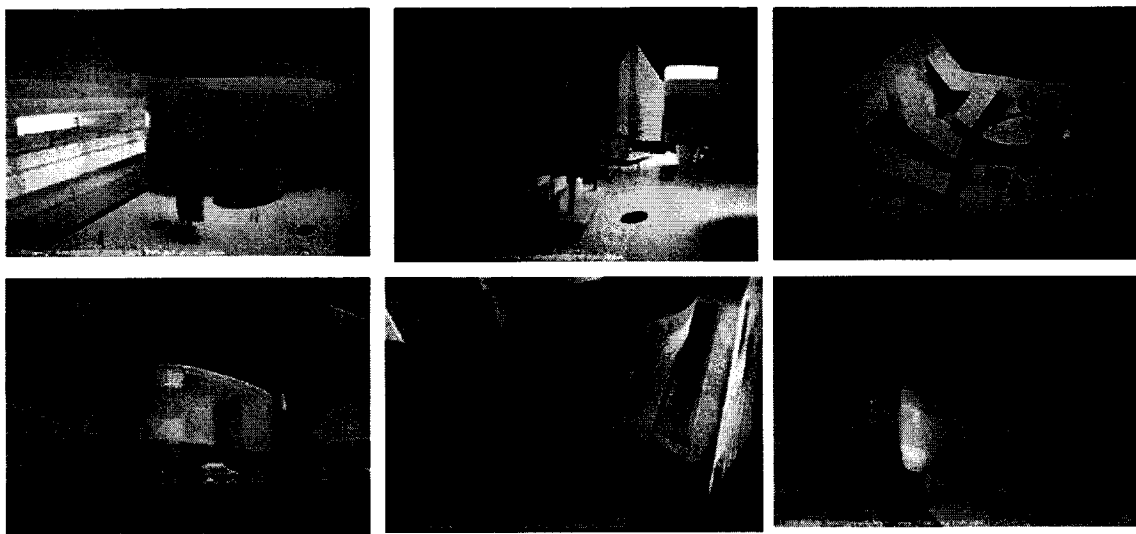
A- Hình thái kiến trúc và cấu trúc đô thị

Qui chuẩn thiết kế và hình dạng công trình kiến trúc(built form)

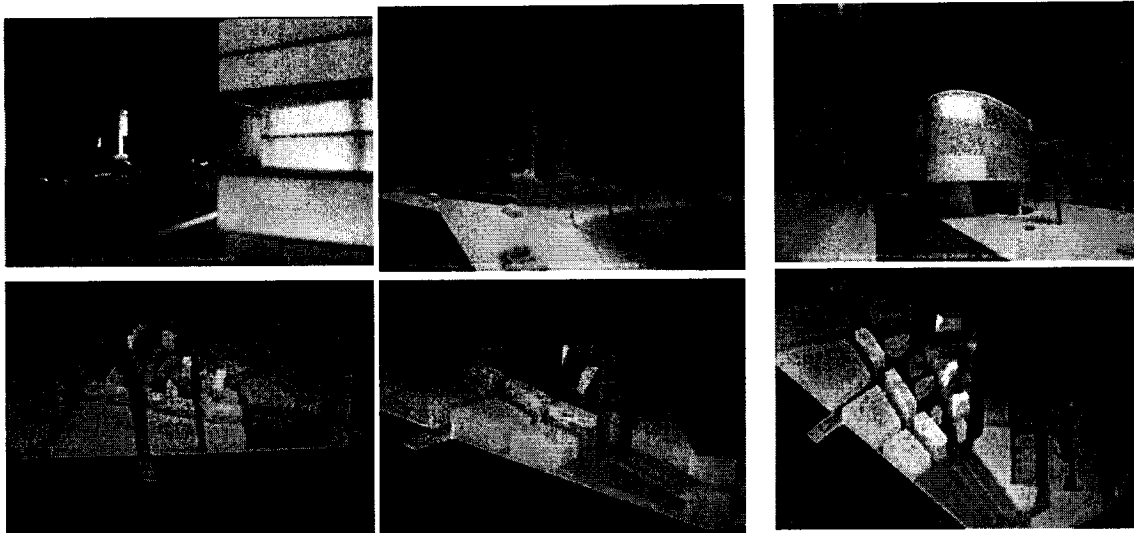


- kiểu loại , chiều cao và qui định giạt cấp
- Nghiên cứu bóng đổ

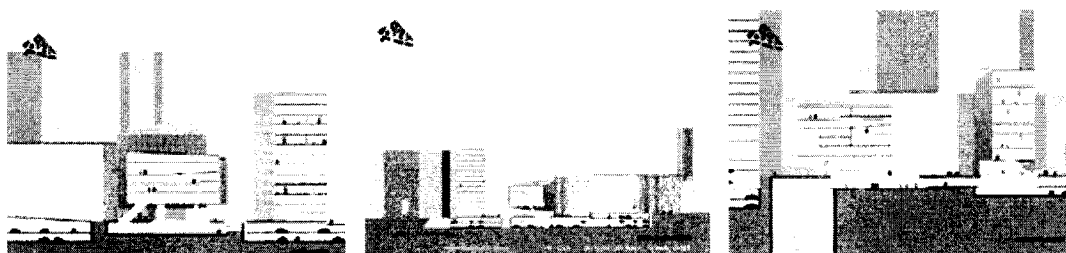
Qui chuẩn thiết kế và hình dạng công trình kiến trúc(built form)



Qui chuẩn thiết kế và hình dạng công trình kiến trúc(built form)

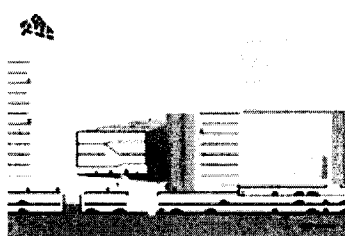


Qui chuẩn thiết kế và hình dạng công trình kiến trúc(built form)

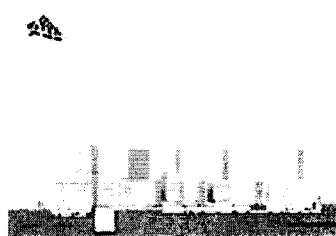


Mặt cắt nước

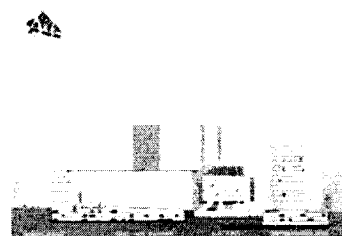
Mặt cắt bắc nam



Mặt cắt shop nhỏ



Mặt cắt shop nhỏ

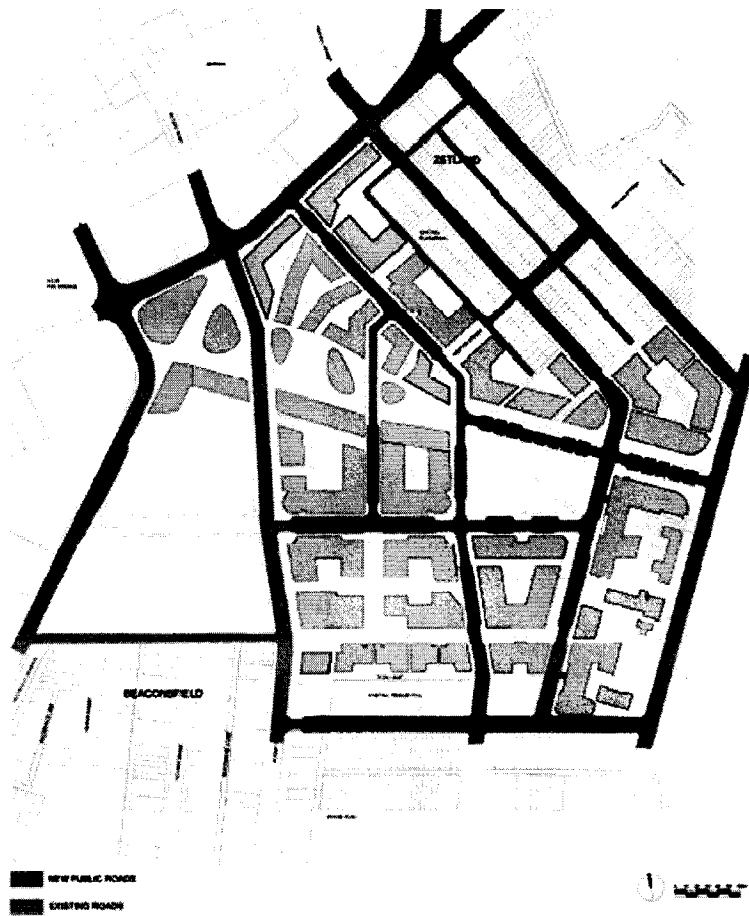


Mặt cắt bắc nam khách sạn và thương mại

Mẫu dạng kiến trúc, cấu trúc chiến lược của một đô thị, các hướng dẫn cụ thể về mật độ tầng cao hình dạng và thể loại công trình.

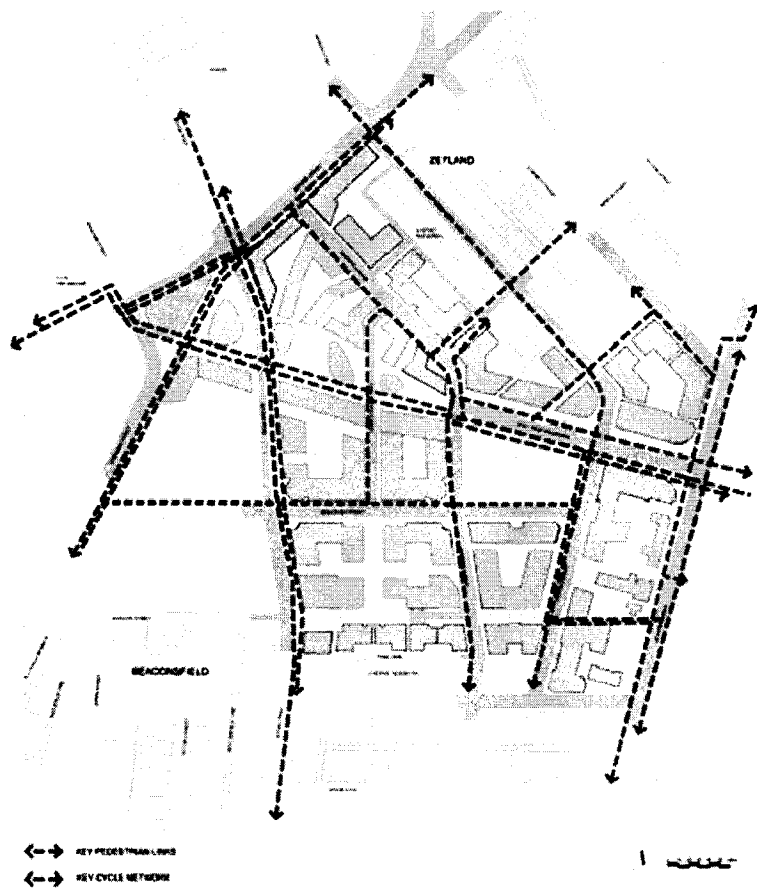
- 1- Bản vẽ phân tích hiện trạng các công trình kiến trúc đặc trưng các công trình bảo tồn
- 2- Bản vẽ các ô phố và mẫu dạng phố đặc trưng
- 3- Bản vẽ phân tích tầng cao, mật độ

- 4- Bản vẽ các ô phố mặt đứng mặt cắt điển hình- mẫu
 - 5- Bản vẽ phân tích tầng cao và bóng đổ
- B- Giao thông (Movement)**



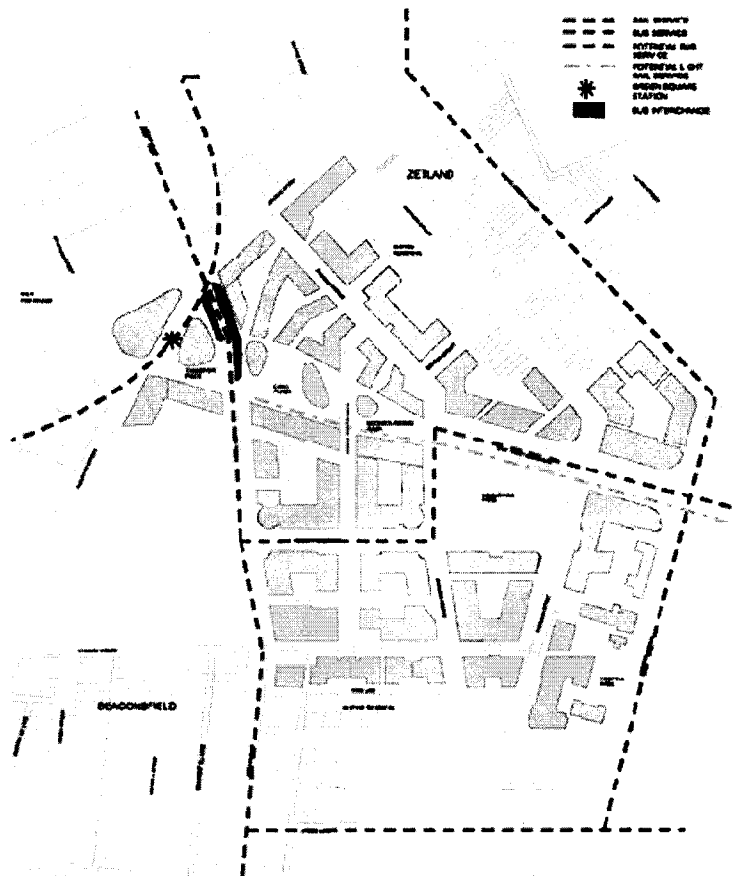
Thiết kế đô thị với
giao thông (Movement)

Thiết kế đô thị với giao thông(movement)



Nghiên cứu giao thông tầng bậc, các nút quan trọng, điểm nhấn đô thị, các diện tuyến và hành lang nhìn các giao thông đối nội và ngoài, giao thông địa phương và giao thông liên khu.

6. Bản vẽ liên hệ vùng
7. Bản vẽ liên hệ khu vực
8. Bản vẽ phân tích đối nội đối ngoại
9. Bản vẽ các giao thông tầng bậc
10. Bản vẽ các tuyến giao thông công cộng, các loại hình giao thông chính khu vực
11. Bản vẽ các điểm nút giao thông, cửa ngõ giao thông quan trọng
12. Bản vẽ hướng tuyến và các điểm nhấn đô thị
13. Bản đồ hạ tầng đô thị các mặt cắt điển hình



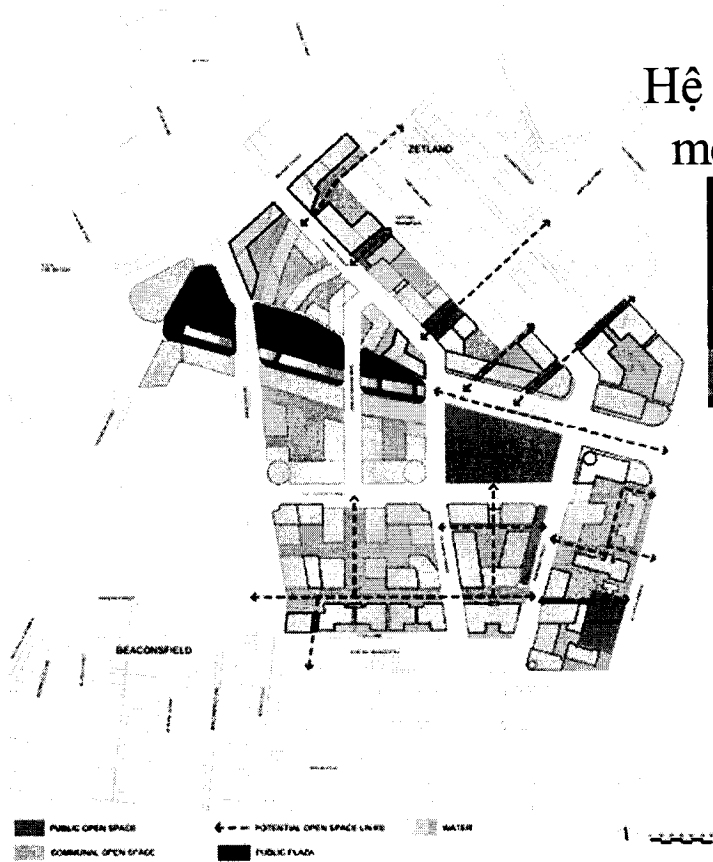
Thiết kế đô thị với
giao thông(
movement)

C- Không gian mở và môi trường (Environment)

Các hệ cây xanh, mặt nước không gian mở, hệ động thực vật, các địa hình và địa chất thủy văn tự nhiên, các trục không gian kết nối, tất cả tạo thành một quần thể không gian mở vì con người.

14. Bản vẽ phân tích hệ động thực vật
15. Bản vẽ phân tích điều kiện tự nhiên địa hình địa trạng- độ dốc, độ cao, đặc điểm cấu tạo nền địa chất
16. Bản đồ phân tích thủy văn mặt nước- mặt nước ngầm và nước mặt
17. Bản đồ phân tích các không gian công cộng, không gian mở chính trong thị xã
18. Bản đồ phân tích nắng gió
19. Bản đồ hạ tầng đô thị

Hệ thống không gian mở (Environment)



Công viên

- 3 tòa nhà công cộng
- Toà nhà giao thông
- Toà nhà công cộng
- Toà nhà cộng đồng

D- chức năng sử dụng và các hoạt động



Sử dụng đất hỗn hợp (Social cultural activities)

- sử dụng cho khu ở
- sử dụng cho người làm việc
- Khu buôn bán lẻ
- Khu hỗn hợp giữa ở và làm việc
- Khu sử dụng cho văn hoá

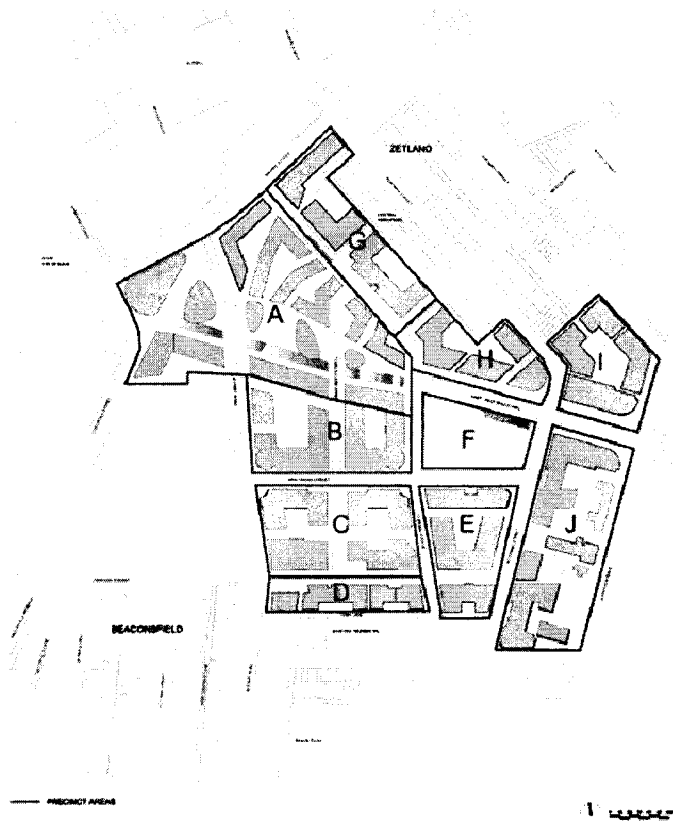
Trong đó hoàn toàn xét đến các hạ tầng kỹ thuật và các dự án chiến lược ảnh hưởng đến các bộ mặt của toàn thành phố, các hoạt động và chức năng, theo mặt bằng cũng như trục thẳng đứng.

20- Bản vẽ phân tích các vùng văn hóa, hoạt động văn hóa lễ hội đặc trưng

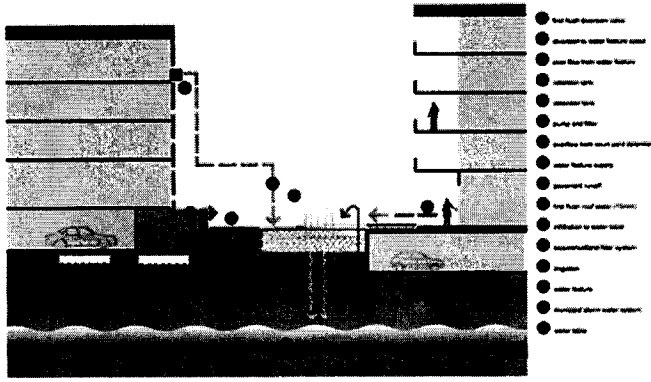
21- Bản vẽ phân tích các hoạt động đường phố và hoạt động hàng ngày của thị xã

22- Bản vẽ các vùng không gian tâm linh

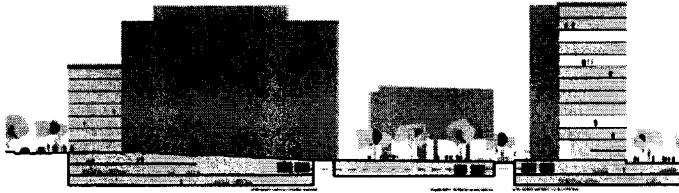
23- Bản vẽ phân tích mặt cắt và mặt đứng điển hình



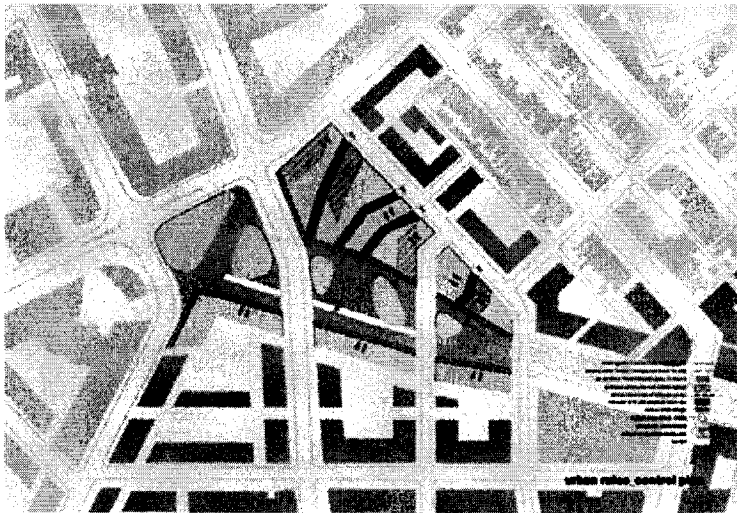
Phân đợt đầu
tu(staged
development)



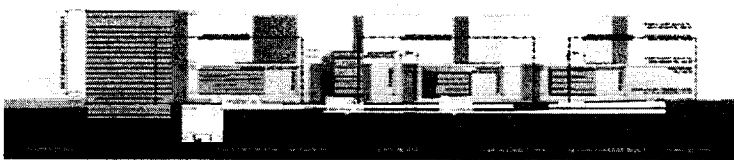
SITE BASED WATER CYCLING SYSTEM



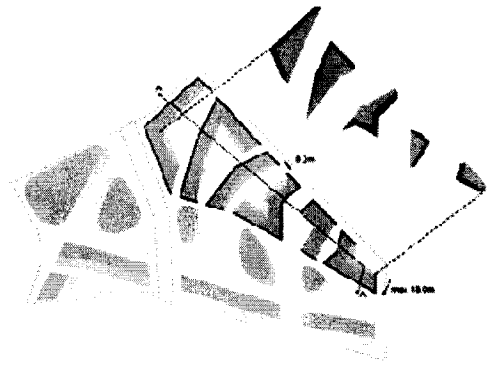
Các quản lý phát triển (development control) cho các khu phố công cộng quản lý thu hồi nước



Các qui chuẩn qui phạm sử dụng cho từng khu (precinct A)

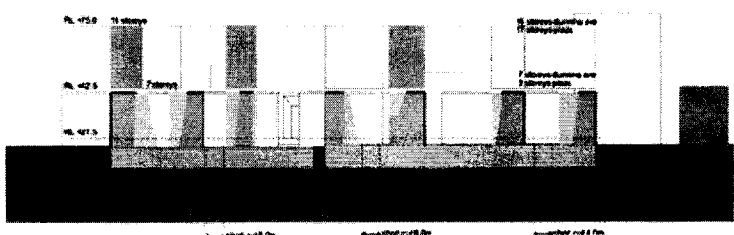


Các qui chuẩn chuẩn qui phạm sử dụng cho từng khu(precint A)

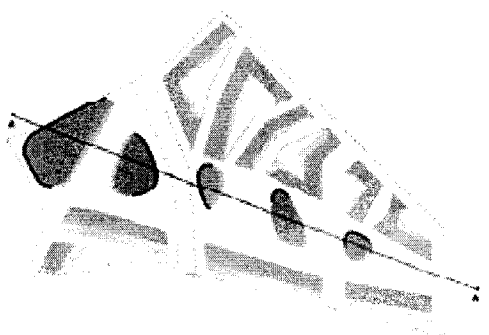


green yard building _ control plan

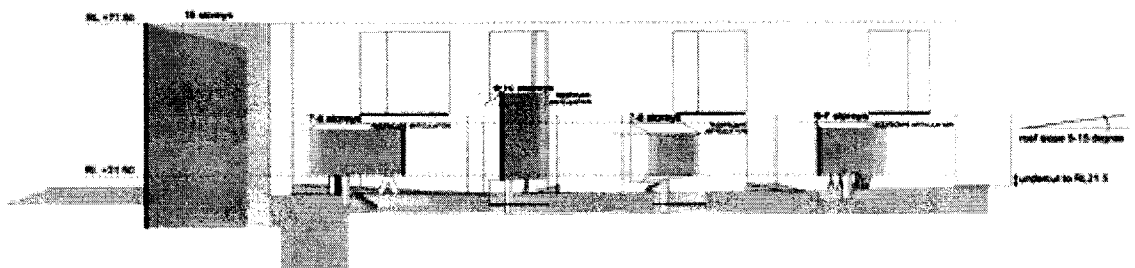
- hard edge - built-to alignments
- soft zone - regular alignment perimeter
- green yards interface with regular building alignment
- green yards - courtyard spaces between buildings



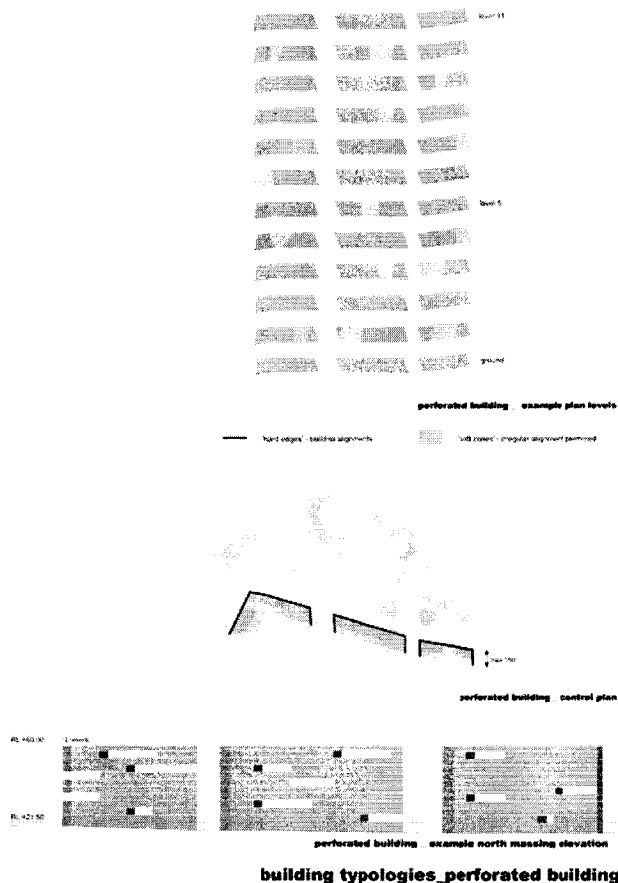
green yard building _ control section AA



pebble plaza building _ control plan



pebble plaza building _ control section AA



Các qui chuẩn qui phạm sử dụng cho từng khu(precinctA)

Các ví dụ về các bản vẽ thiết kế đô thị:

TKĐT trong hệ thống qui hoạch đô thị Việt nam:

Qua sự nghiên cứu vị trí thiết kế đô thị trong hệ thống đô thị của Úc và Trung Quốc chúng ta có thể thấy được xu hướng chung trong TK và QH đô thị. Ở Úc rõ ràng là TKĐT chỉ xuất hiện nhiều ở cấp độ địa phương với diện qui mô vừa phải. Mỹ cũng giống như Úc về phương diện này. Ta có thể hiểu cấp độ địa phương ở đây chính là từ thành phố trở xuống, và càng ở cấp độ nhỏ thì mức độ chi tiết trong TKĐT càng cao. Tuy nhiên cả Trung Quốc, Úc hay Mỹ đều có bộ luật hoàn chỉnh về qui hoạch và môi trường, trong đó ghi rõ quá trình làm văn bản, chuẩn bị văn bản, sự tham gia tư vấn của các bên và qui trình biến các nghiên cứu qui hoạch thành luật. Ở Việt Nam, chúng ta hiện chỉ có các văn bản của Bộ xây dựng về các qui định qui phạm trong qui hoạch đô thị mà điển hình là Nghị định 08 và thông tư 15, Nghị định 29 và thông tư 07/2008 và thông tư 08/2007.

Các văn bản pháp lý:

Hiện nay trong hệ thống văn bản pháp lý của Việt Nam có thể hệ thống như sau:

Luật xây dựng

Nghị định 08/2005 về quy hoạch xây dựng

Nghị định 29/2007 về quản lý kiến trúc đô thị

Thông tư 08/ 2007 về Hướng dẫn lập, thẩm định phê duyệt và quản lý kiến trúc đô thị

Thông tư 07/ 2008 về Hướng dẫn lập, thẩm định phê duyệt và quản lý QHXD(thay thông tư 15/2005)

Theo đề tài nghiên cứu cấp bộ về thiết kế đô thị(CN Ths. Ngô Trung Hải) , TKĐT có hai loại tập trung trong hệ thống đồ án QHXD ở Việt Nam

Sản phẩm của thiết kế đô thị

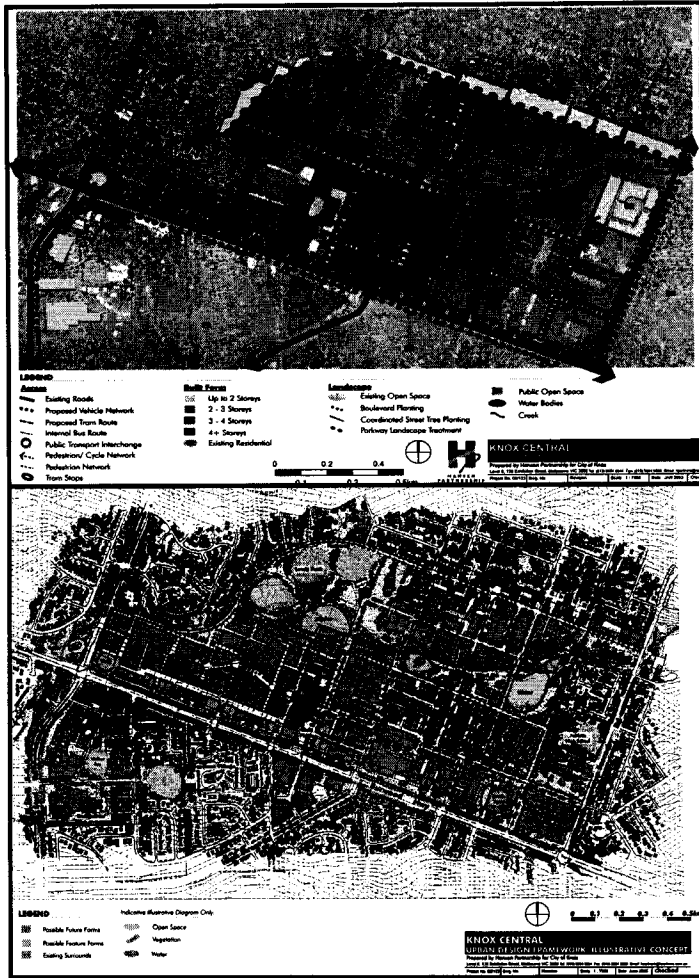
Như vậy theo đề tài nghiên cứu này thì đồ án TKĐT có thể lồng ghép với quy hoạch chung và quy hoạch chi tiết, đồng thời là một đồ án riêng biệt.

Các đồ án TKĐT: do các nhà TKĐT, các KTS cảnh quan, các nhà QHĐT, các KTS công trình thiết kế. Sản phẩm này cơ bản có 3 loại khác nhau:

- **TKĐT được lồng ghép vào quá trình nghiên cứu Quy hoạch chung** hoặc tách riêng trong TKĐT tổng thể. Sản phẩm chủ yếu là những điểm nhấn của cả Vùng đô thị.
- **TKĐT được lồng ghép vào các QHCT** đang làm hoặc nằm riêng trong TKĐT khu vực. Sản phẩm là những bản vẽ rất cụ thể các không gian kiến trúc cảnh quan với các yếu tố tạo thành.
- **Sản phẩm đối với các đồ án TKĐT riêng biệt** cho các khu vực thực sự được thiết kế qui hoạch theo dự án độc lập.

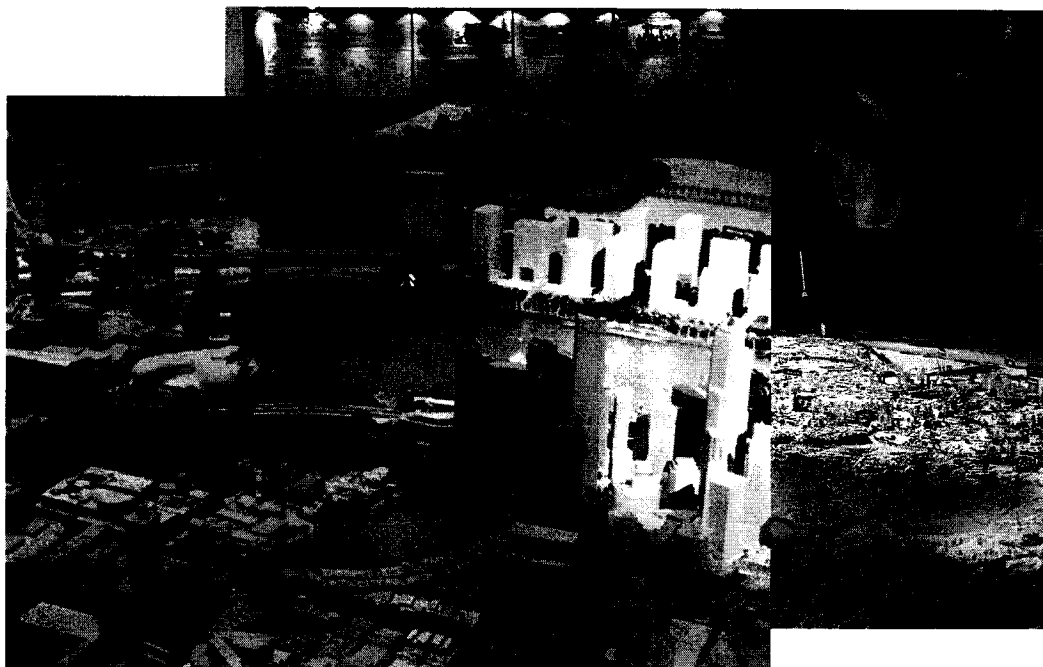
Mô hình là một sản phẩm quan trọng trong TKĐT. Đây là một sản phẩm không thể thiếu để thực hiện các đồ án TKĐT. Ngoài ra còn có nhiều loại sản phẩm khác như Video, hiện thực ảo (Virtual Reality), phim, công nghệ trình diễn khác hoặc các ấn phẩm để tuyên truyền, lấy ý kiến cộng đồng, trong các triển lãm, sách báo, v.v...

Các loại sản phẩm khác: Sản phẩm của các loại hình trên chủ yếu làm cơ sở cho các loại sản phẩm tiếp theo của TKĐT, bao gồm: **Hướng dẫn, Chính sách, Kế hoạch thực hiện, Văn bản quản lý nhà nước, Chương trình đầu tư, dự án cụ thể.**



Một loại sản phẩm – bản vẽ của đồ án TKĐT của công ty tư vấn của Australia

MÔ HÌNH LÀ MỘT SẢN PHẨM QUAN TRỌNG TRONG THIẾT KẾ ĐÔ THỊ



HIỆN THỰC ẢO □ VIRTUAL REALITY LÀ MỘT CÔNG CỤ HIỆN ĐẠI ĐẶC LỰC CHO VIỆC THIẾT KẾ VÀ PHÊ DUYỆT

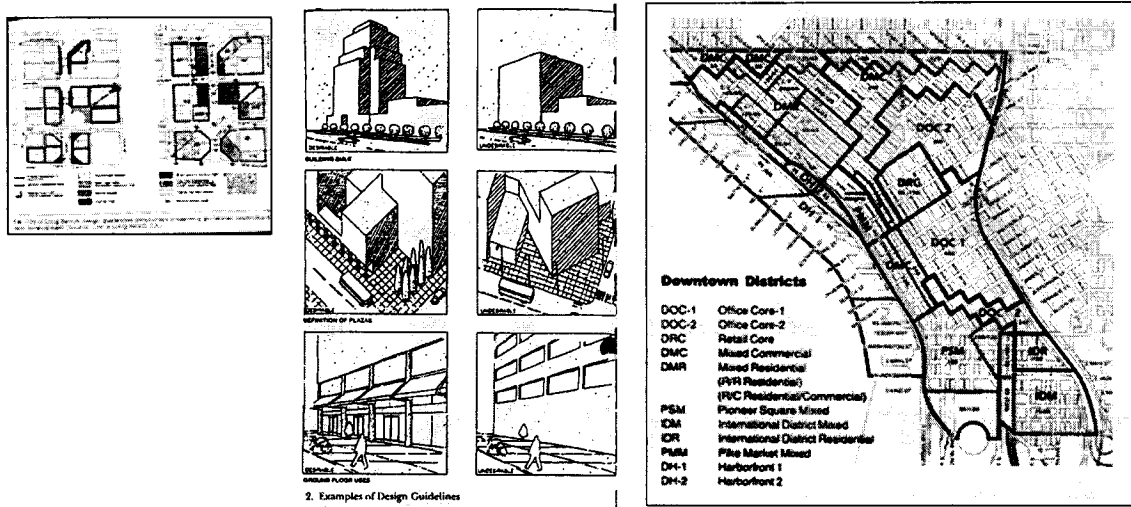
- Quan điểm hiện nay đã xác định TKĐT có thể áp dụng chủ yếu trong quy trình hiện hành về Quy hoạch Xây dựng đô thị theo hướng lồng ghép trong Giai đoạn Quy hoạch chung xây dựng đô thị (tạm thời)

Thiết kế đô thị trong QHC

- - Xác định yếu tố cho các không gian kiến trúc, cảnh quan như các tầm nhìn chủ yếu trong đô thị, cấu trúc mạng lưới giao thông, khu vực xây dựng hoặc không xây dựng, khu vực bảo tồn và cải tạo, tính chất các vùng cây xanh, mặt nước tự nhiên và nhân tạo.
- - Gợi ý tổ chức không gian các không gian mở dành phục vụ công cộng như công viên, quảng trường trung tâm, vườn hoa, hình ảnh của một số tuyến phố chính kèm theo các bản vẽ minh họa.
- - Xác định các thông số kỹ thuật nh tầng cao trung bình tầng cao nhất, mật độ xây dựng cho các khu chức năng, tỉ lệ cây xanh và khoảng trống tối thiểu, công trình điểm nhấn quan trọng
- - Phân vùng quản lý xây dựng về kiến trúc, cảnh quan.
- - Đối với các công trình hạ tầng cần có những yêu cầu, quy định cụ thể về vị trí thích hợp không ảnh hưởng đến cảnh quan và môi trường, hình dạng kiến trúc các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật nổi và ngầm nh bến bãi đỗ xe, nhà ga hàng không, tàu hỏa, tàu điện ngầm, tàu điện nhẹ, ô tô công cộng, trạm xăng dầu, trạm xử lý nước thải, trạm bơm nước, trạm điện hạ thế, trạm điện thoại công cộng, cột ăngten thu phát sóng và các công trình kỹ thuật khác. Khi thiết kế các công trình kỹ thuật cần được nghiên cứu kết hợp giữa yếu tố kỹ thuật và mỹ thuật. Đối với các khu vực san lấp cần giữ được hình dáng tự nhiên của khu vực, tránh san lấp đồi núi, rừng cây ảnh hưởng đến môi trường cảnh quan và sinh thái

- Quan điểm hiện nay đã xác định TKĐT có thể áp dụng chủ yếu trong quy trình hiện hành về Quy hoạch Xây dựng đô thị theo hướng lồng ghép trong Giai đoạn Quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (tạm thời)

Một loại hướng dẫn trong một đồ án Qui hoạch ở Mỹ, đã cho thấy các qui định khá ngặt nghèo về không gian chiều cao tại các nút ngã tư để tạo ra một không gian đi bộ cho người dân được thuận tiện



HƯỚNG DẪN SỰ PHÁT TRIỂN KHU TRUNG TÂM CỦA THÀNH PHỐ SEATTLE (MỸ), 1998

Design a well-proportioned & unified building.
Compose the massing and organize the interior and exterior spaces to create a well-proportioned building that exhibits a coherent architectural concept. Design the architectural elements and finish details to create a unified building, so that all components appear integral to the whole.

Buildings that exhibit form and function identifying the functions within the building help to orient people to their surroundings, enhancing their comfort and sense of security while downtown.

considerations

When composing the massing, consider how the following can contribute to create a building that exhibits a coherent architectural concept:

- setbacks, projections, and open space;
- relative sizes and shapes of distinct building volumes; and
- roof heights and forms.

When organizing the interior and exterior spaces and developing the architectural elements, consider how the following can contribute to create a building that exhibits a coherent architectural concept:

- facade modulation and articulation;
- windows and fenestration patterns;
- corner features;
- streetscape and open space fixtures;
- building and garage entries; and
- building base and top.

When designing the architectural details, consider how the following can contribute to create a building that exhibits a coherent architectural concept:

- exterior finish materials;
- architectural lighting and signage;
- grilles, railings, and downspouts;
- window and entry trim and moldings;
- shadow patterns; and
- exterior lighting.

Design facades of many scales.
Design architectural features, fenestration patterns, and material compositions that refer to the scale of human activities contained within. Building facades should be composed of elements scaled to promote pedestrian comfort, safety, and orientation.

Building modulations and articulated structural bays establish a framework for composing facades scaled to reflect the activities performed within. Architectural elements arranged to enhance orientation, comfort, and visual interest invite pedestrian interaction. Transparency at the street level enlivens the street environment, providing interest and activity along the sidewalk and at night providing a secondary, more intimate, source of lighting.

considerations

Consider modulating the building facade and reinforcing this modulation with the composition of:

- the fenestration pattern;
- exterior finish materials;
- other architectural elements;
- light fixtures and landscaping elements; and
- the roofline.

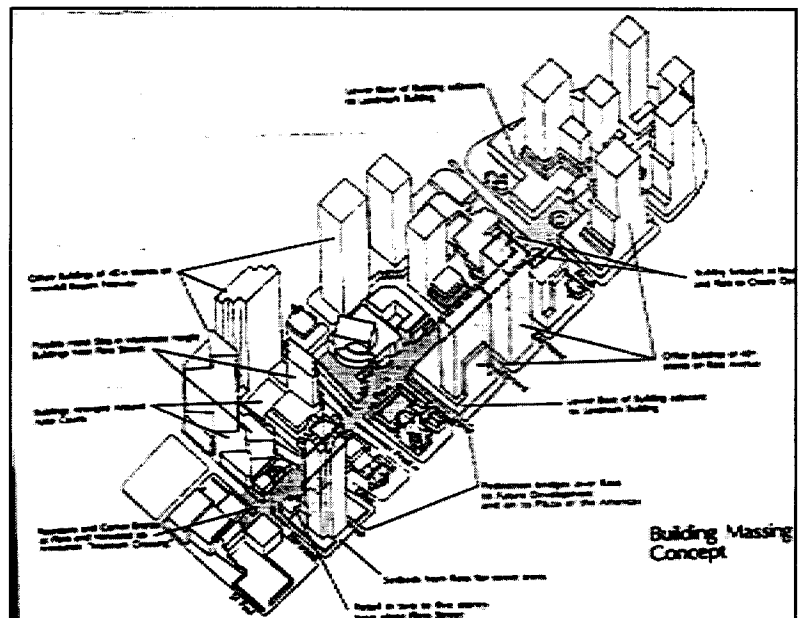
- - Thiết kế đô thị trong QHCT
- + Xác định tầm nhìn chủ yếu trong không gian khu vực quy hoạch theo các tuyến phố, tầm cao theo các hớng khác nhau.

- + Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan khu vực trên cơ sở khai thác cảnh quan, địa hình địa mạo và đặc tính khu vực nhằm xác định hình thái đô thị chủ yếu;
- + Xác định được những hình khối, màu sắc, hình dạng và phong cách kiến trúc chủ đạo của các công trình kiến trúc; khoảng cách tối đa, tối thiểu giữa các công trình, khoảng lùi của công trình và từ tầng 3 đối với các công trình cao tầng, vạt góc tại các ngã phố; chiều cao công trình và các tầng và bóng đổ của công trình
- + Xác định vị trí, gợi ý hình dạng kiến trúc các tiện ích đô thị (bến xe buýt, lối đi cho người tàn tật, ghế và bồn hoa công cộng, mái che dọc vỉa hè, cột điện, bảng chỉ dẫn và các tiện ích khác)
- + Tổ chức không gian cho những không gian mở (cây xanh công viên, lối đi dạo, tuyến đi bộ, mặt nước tự nhiên và nhân tạo kể cả các vòi phun nước, quảng trường và các công trình xung quanh)
- + Tổ chức hệ thống cây xanh trên trục phố, trong các khu chức năng, khu công viên như các chủng loại cây, vị trí trồng và kết hợp các vật trang trí, chiếu sáng và kết hợp với các khu cây xanh tự nhiên sẵn có.

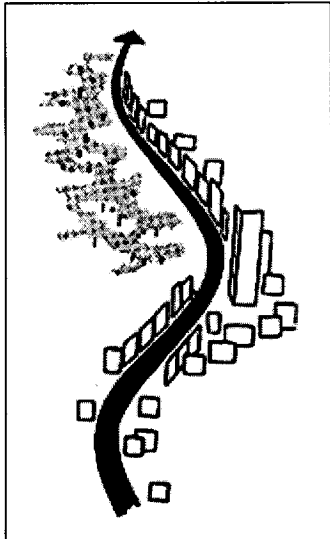
KHỐI TÍCH VÀ HÌNH DẠNG CÔNG TRÌNH

Đó là: Chiều cao, khoảng lùi, độ che phủ, màu sắc, hệ số sử dụng đất hay hệ số về diện tích sàn

Building Massing
Concept - City San
Francisco, Mỹ



SỰ CHUYỂN ĐỘNG VÀ TĨNH

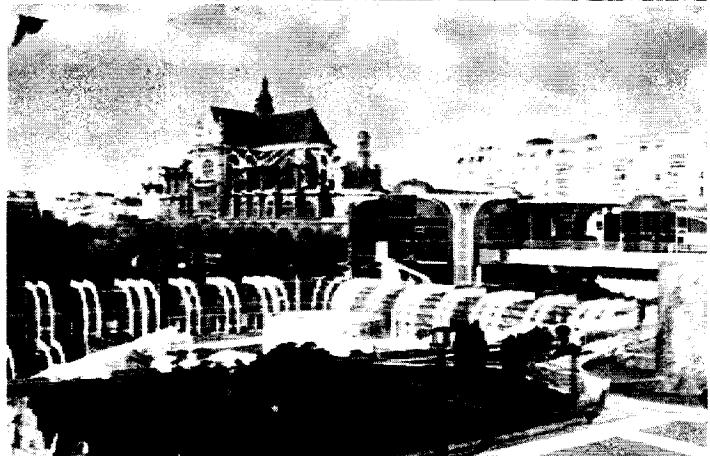
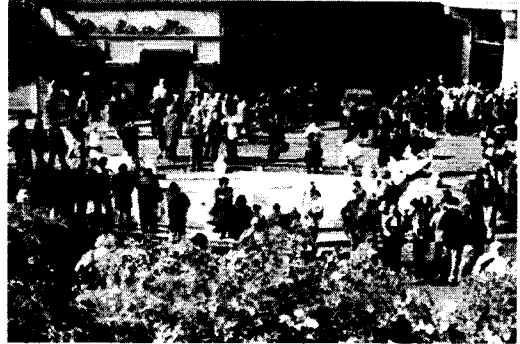


- + Đa các giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị di tích kiến trúc, di sản quốc gia và thế giới đối với các công trình kiến trúc, khu vực cảnh quan có giá trị. Mọi việc xây dựng các công trình xung quanh khu vực bảo tồn cần tôn trọng và tuân thủ các nguyên tắc về các khu vực cần bảo tồn trong Luật Di sản văn hóa.
- + Tổ chức các tượng đài, vật trang trí kiến trúc và tranh ảnh trang trí và cổ động trên đường phố, công viên.
- + Nguyên tắc bố trí, kích cỡ và màu sắc, ánh sáng cho các biển quảng cáo.
- + Chiếu sáng tự nhiên và công cộng trên các tuyến phố, cây xanh, công trình công cộng và kết hợp với các công trình thương mại, nhà ở khác.
- + Xác định các công trình điểm nhấn của khu vực để có các gợi ý về hình dáng phong cách kiến trúc, các yêu cầu về độ cao, hình khối, màu sắc, chất liệu xây dựng và các khoảng cách với các công trình xung quanh.
- + Nghiên cứu mặt đứng các tuyến phố, không gian các cụm công trình từ trên cao.

KHÔNG GIAN MỞ

Không gian mở trong đô thị thường đóng vai trò là khu công viên, quảng trường, bãi đậu xe, nút giao thông kết hợp quảng trường và cảnh quan, sân thể thao, mặt nước,... Đây là nơi diễn ra nhiều hoạt động công cộng của cư dân đô thị

Quảng trường ở Roma - Italia, nơi khách du lịch và người dân Italia tụ tập hưởng thụ không gian mở



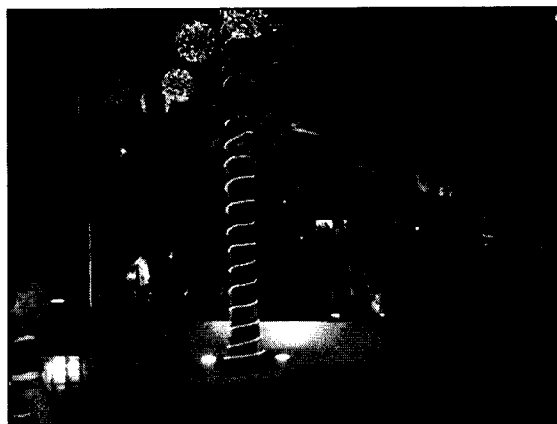
- b) Về quy hoạch hạ tầng kỹ thuật đô thị:
- - Ngoài những yêu cầu kỹ thuật của một đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị, đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật thiết kế đô thị sẽ yêu cầu các công trình hạ tầng ngầm cũng như nổi cần đặt yêu cầu về đóng góp cảnh quan chung.
- - Những công trình đầu mối hạ tầng nh trạm đỗ xe, bến tàu điện nổi và ngầm, nhà ga, chỗ bán vé, điểm giao thông khác cốt, bãi đỗ xe, nhà đỗ xe, trạm thu phí, cột thu phí đỗ xe, trạm điện, cột điều áp nớc, cột điện, hệ thống cáp điện, đờng cáp

LỐI ĐI BỘ

Tuyến phố dành cho người đi bộ



Lối đi bộ là một bộ phận quan trọng của TKĐT vì chính không gian dành cho người đi bộ gắn liền với nhiều dự án phát triển và cải tạo các Trung tâm thương mại, không gian mở hay có thể nói lối đi bộ tham gia vào công cuộc phục hồi lại các khu trung tâm thành phố. Việc giảm sự can thiệp của các phương tiện có động cơ vào cuộc sống đô thị sẽ làm tăng chất lượng môi trường sống và trong đó vai trò của lối đi bộ đóng vai trò đáng kể



HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG

Thiết kế một không gian đi bộ ven sông ở Melbourne, Australia.



- Các cửa hàng, nơi ăn uống, điểm nghỉ, tượng đài, điểm hẹn hò, hay thậm chí chỗ vệ sinh đều là những tiện ích cần thiết cho người sử dụng không gian công cộng.
- Việc bố trí sắp đặt các tiện ích này cũng như kết hợp với tuyến đi bộ là những công việc cần thiết đối với TKĐT.
- Không gian trong và ngoài nhà cần có những mối liên hệ với nhau để nâng cao hiệu quả kết nối đối với người sử dụng.

- nước, máy nước công cộng kết hợp vòi phun, họng cứu hỏa, điểm thu gom rác, hình thức các thùng rác công cộng, các trạm bưu điện công cộng, các hình thức cầu, cống ngang đường, rãnh thoát nước và các yếu tố kỹ thuật có liên quan đến hình ảnh đô thị cần được thiết kế cho phù hợp với khu vực nghiên cứu nhằm tăng tính thẩm mỹ của khu vực.
- + Thu thập, điều tra và lấy ý kiến, nguyện vọng của người dân và các hộ sử dụng chính trong khu vực thiết kế qua các hình thức thích hợp nhằm nắm vững tâm lý, sở thích và nguyện vọng về hình thái đô thị, kiến trúc cảnh quan cho khu vực quy hoạch.

KÍ HIỆU

Các biển báo kí hiệu về giao thông, các chỉ dẫn công cộng như thông tin liên lạc, đồn cảnh sát, nhà ga, biển chỉ đường, các biển quảng cáo của các hãng kinh doanh, cửa hàng buôn bán đóng vai trò quan trọng việc cung cấp thông tin mua sắm, kinh doanh nhưng đồng thời cung cấp các điểm gây hiệu quả thị giác. Vì vậy, nhiều nước đã có những qui định, luật chặt chẽ cho việc sử dụng các biển quảng cáo, chỉ dẫn cho từng loại đô thị khác nhau. Nhiều nơi đã nâng tầm việc sử dụng các biển báo, kí hiệu thành biểu tượng hay trang trí trên đường phố làm tăng tính thẩm mỹ trong không gian công cộng.



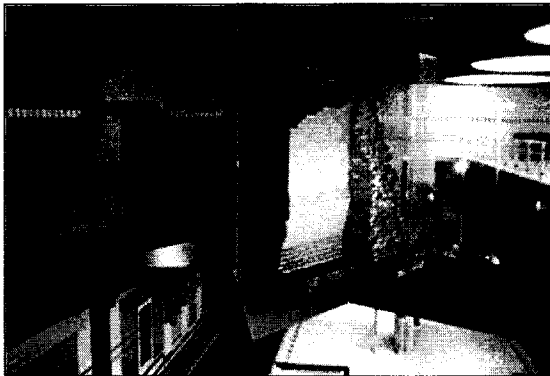
Biển báo
kí hiệu ở
Tokyo -
Nhật Bản



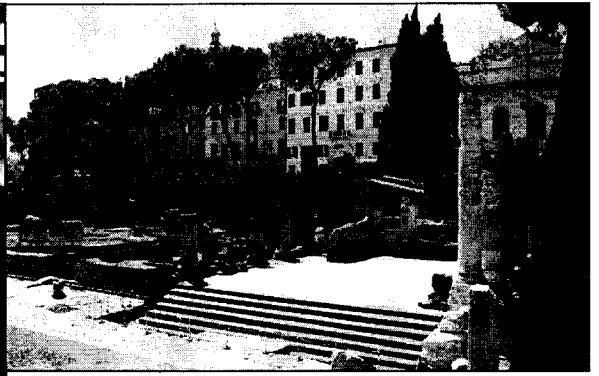
•
•

BẢO TỒN

Trong TKĐT việc bảo tồn các di tích, quảng trường lịch sử hay cửa hàng có dấu ấn lịch sử đều đóng vai trò của một Nơi chốn - places, đô thị hay có thể đó là những điểm lịch sử quan trọng ghi dấu ấn riêng cho từng không gian đô thị, tạo ra cái hồn đô thị. Những nơi này thường thu hút người dân tới thăm quan, dạo chơi và là nơi người ta tìm về cội nguồn, dĩ vãng, những cái còn lưu giữ được từ lâu.



Bảo tồn móng nhà cổ tại nhà ga ở Rotterdam, Hà Lan



Bảo tồn một khu đền đài cổ ở Roma sau khi đã khai quật

- Thiết kế đô thị tổng thể
 - Nhằm thiết kế tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan cho tổng thể đô thị hoặc khu vực của đô thị.
 - Được lập sau khi đã lập đồ án quy hoạch chung xây dựng đô thị. Là một trong những cơ sở để lập đồ án quy hoạch chi tiết, TKĐT khu vực và quản lý xây dựng về không gian kiến trúc cảnh quan cho toàn đô thị.
 - Thiết kế đô thị tổng thể được lập trên bản đồ địa hình tỷ lệ 1/5.000 - 1/10.000 (Tương ứng với tỷ lệ bản đồ của quy hoạch chung)
- Thiết kế đô thị khu vực
 - Nhằm cụ thể hóa TKĐT tổng thể, thiết kế không gian kiến trúc cảnh quan chi tiết cho một khu vực, một khu chức năng của đô thị như trung tâm công cộng, quảng trường, trục phố, khu nhà ở hay công viên v.v..
 - Thiết kế đô thị khu vực như quận, khu đô thị hoặc tương đương được lập trên bản đồ địa hình tỷ lệ 1/2.000 - 1/5.000
 - Thiết kế đô thị một khu chức năng; Trung tâm công cộng, khu quảng trường, trục phố v.v.. lập trên bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500- 1/2.000
 - Tùy điều kiện cụ thể việc thiết kế đô thị có được lập thành từng đồ án độc lập hoặc gắn toàn bộ hoặc 1 phần nội dung thiết kế đô thị tương ứng vào đồ án quy hoạch chung xây dựng và quy hoạch chi tiết đô thị

Bản vẽ và nội dung thiết kế đô thị tại Việt Nam (có tính tham khảo)

Một điều cần lưu ý là sau khi đề tài nghiên cứu cấp bộ được nhiệm thu, một loạt các văn bản pháp lý và hướng dẫn thông tư đã được ra đời. trong đó phải kể đến các nội dung của các văn bản sau:

- Luật xây dựng
- Nghị định 08/2005 về quy hoạch xây dựng
- Nghị định 29/2007 về quản lý kiến trúc đô thị
- Thông tư 08/ 2007 về Hướng dẫn lập, thẩm định phê duyệt và quản lý kiến trúc đô thị
- Thông tư 07/ 2008 về Hướng dẫn lập, thẩm định phê duyệt và quản lý QHXD(thay thông tư 15/2005)

Trong đó đang diễn ra hai chiều hướng rất trái ngược nhau:

1 TKĐT lồng ghép vào đồ án QHC và QHCT và bổ trợ cho đồ án quy hoạch

2 TKĐT là đồ án đập được nghiên cứu trước khi có đồ án QHC và QHCT điều này liệu có thể xảy ra? Khi mà trong hệ thống văn bản Điều lệ quản lý kiến trúc đã có hướng dẫn và một Nghị định riêng cho vấn đề này.

Nếu nghiên cứu các đồ án của nước ngoài và nội dung thể hiện trong các đồ án này chúng ta hoàn toàn có thể làm đồ án Thiết kế đô thị ở mức độ thành phố và khu vực tương đương với quy hoạch chung và quy hoạch chi tiết và sử dụng các nghiên cứu này để viết điều lệ quản lý kiến trúc đô thị và các đồ án quy hoạch chung và chi tiết sẽ sử dụng các hướng dẫn này để triển khai quy hoạch sau này. Điều này TKĐT sẽ gần giống với quy hoạch cấu trúc hay chiến lược của Châu Âu.

Trong vấn đề này chúng ta có thể nghiên cứu hai ví dụ điển hình là quy hoạch khu đi bộ Đà Lạt và cuộc thi thiết kế ý tưởng khu trung tâm hiện hữu của Thành phố HCM.

Nội dung bản vẽ:

- A- Hình thái kiến trúc và cấu trúc đô thị (Urban form)**
- B- Giao thông và chuyển động(movement)**
- C- Môi trường(environment)**
- D- Xã hội và văn hóa, lịch sử (Activities)**

Thực tế, 4 nội dung trên đã đưa ra đầy đủ các nội dung nghiên cứu ở trên và cũng bao hàm cả các nội dung TKĐT mà trong các văn bản nghị định nhà nước ban hành.

Trường hợp điển hình: Thiết kế đô thị khu đi bộ Đà Lạt:

HIỆN TRẠNG CÁC LOẠI HÌNH KIẾN TRÚC

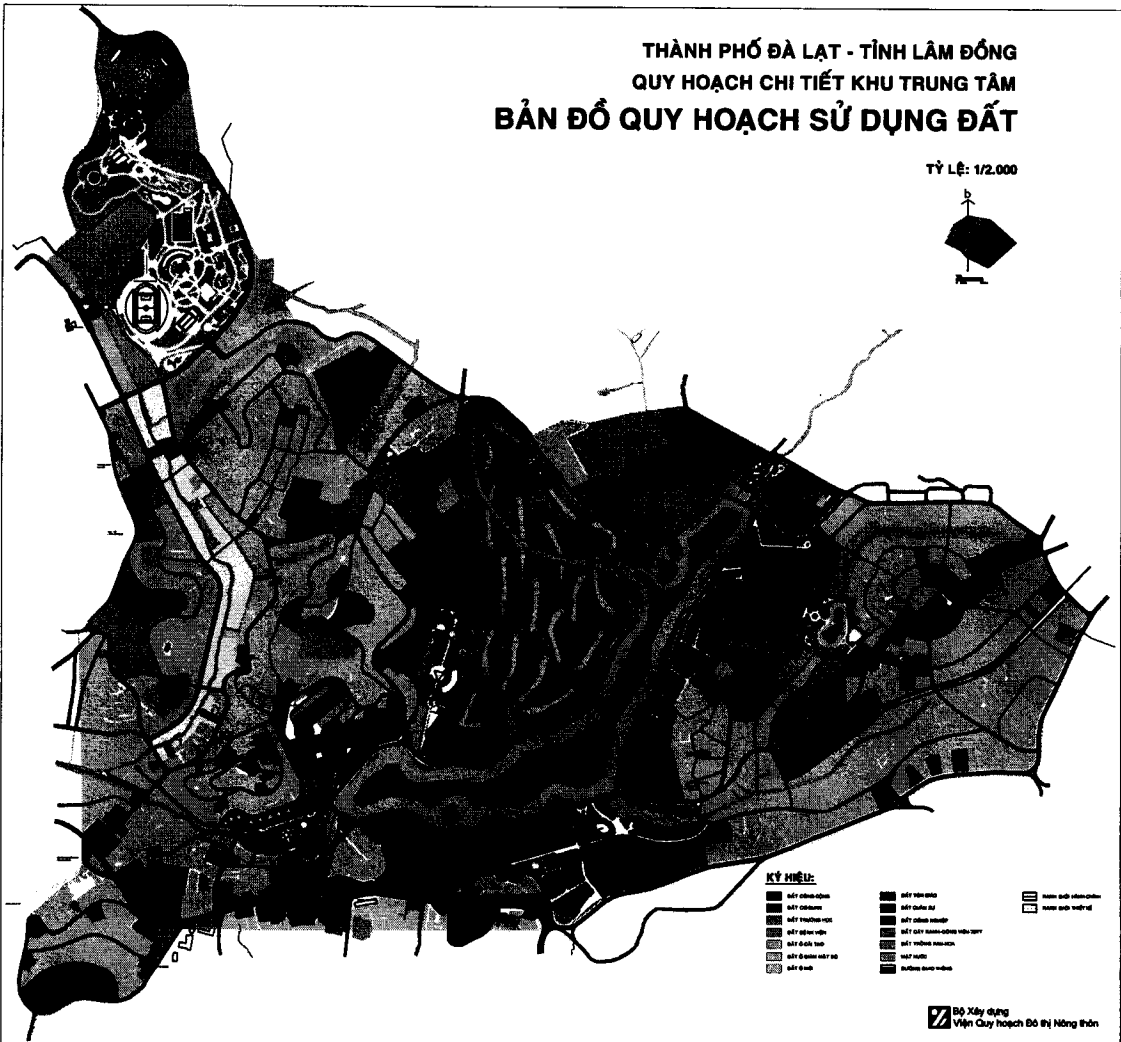
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT (DALAT CITY)
 THIẾT KẾ ĐÔ THỊ KHU TRUNG TÂM ĐI BỘ (URBAN DESIGN FOR WALKING CENTER)
BẢNG PHÂN TÍCH HIỆN TRẠNG CÁC LOẠI HÌNH KIẾN TRÚC
 (EXISTING BUILT FORMS ANALYSIS)

CƠ QUAN THỰC HIỆN: VIỆN QUY HOẠCH ĐÔ THỊ HỒNG TRỊCH VÀ CÔNG TY HỢP TÁC
 CƠ QUAN CHỈ ĐẠO: BỘ XÂY DỰNG

LOẠI HÌNH		HÌNH ẢNH MINH HỌA			
CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG (Public Buildings)	VĂN HÓA	• CHẾU PHIM			
		• NHÀ HÁT			
		• TRẦN LÂM			
		• CÁC CÔNG TRÌNH TRONG CÔNG VIÊN			
	THƯƠNG MẠI	• CHỢ			
		• CỬA HÀNG BÁCH			
		• KHÁCH SẠN			
		• BIẾN XE			
		• BƯU ĐIỆN, NGÂN HÀNG			
CÁC CÔNG TRÌNH NHÀ Ở (Residential Buildings)	NHÀ Ở	• NHÀ PHỐ			
		• BIỆT THỰ			
		• NHÀ SONG LẬP			
		• CHUNG CỬ			
		• NHÀ TẠM			
		• NHÀ Ở KẾT HỢP KHÁCH SẠN			
		• NHÀ Ở KẾT HỢP CỬA HÀNG			

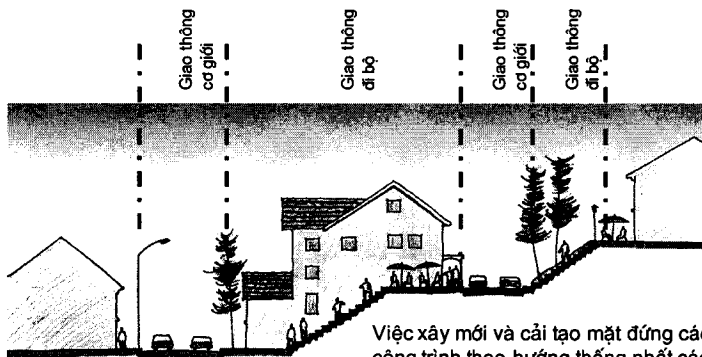
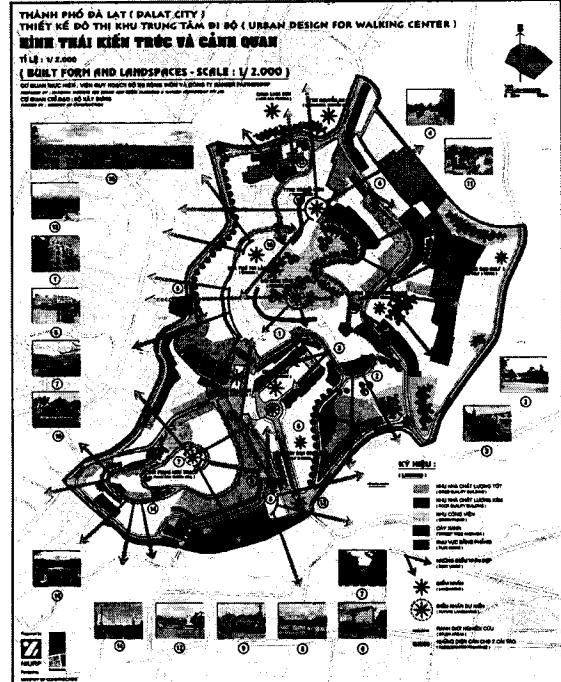
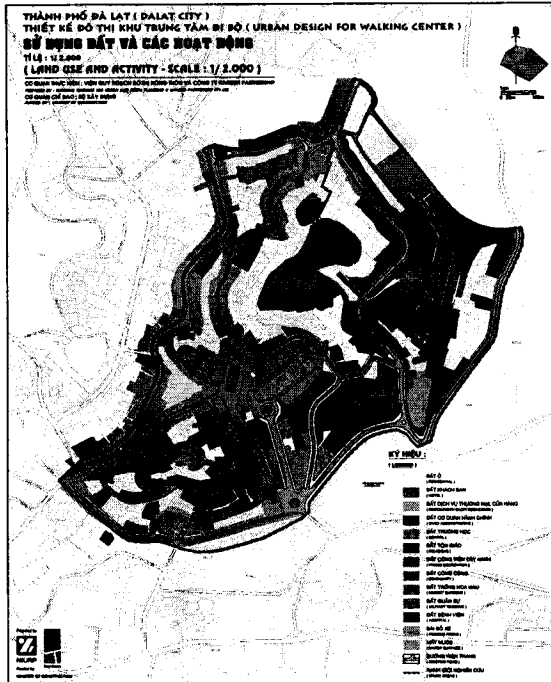
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT - TỈNH LÂM ĐỒNG
QUY HOẠCH CHI TIẾT KHU TRUNG TÂM
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

TỶ LỆ: 1/2.000



SỬ DỤNG ĐẤT VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG

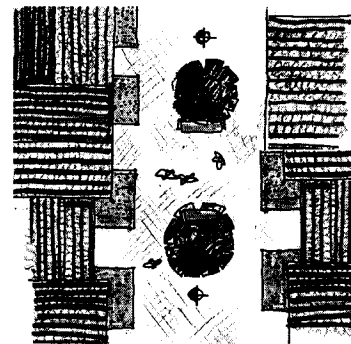
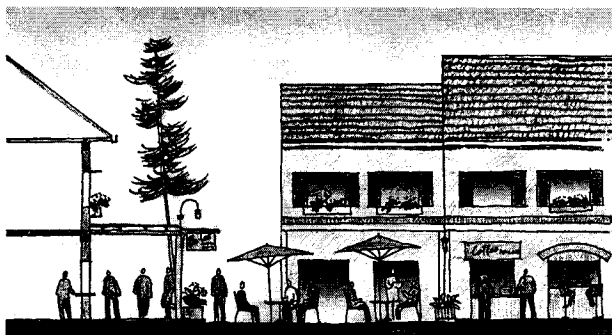
HÌNH THÁI KIẾN TRÚC VÀ CẢNH QUAN



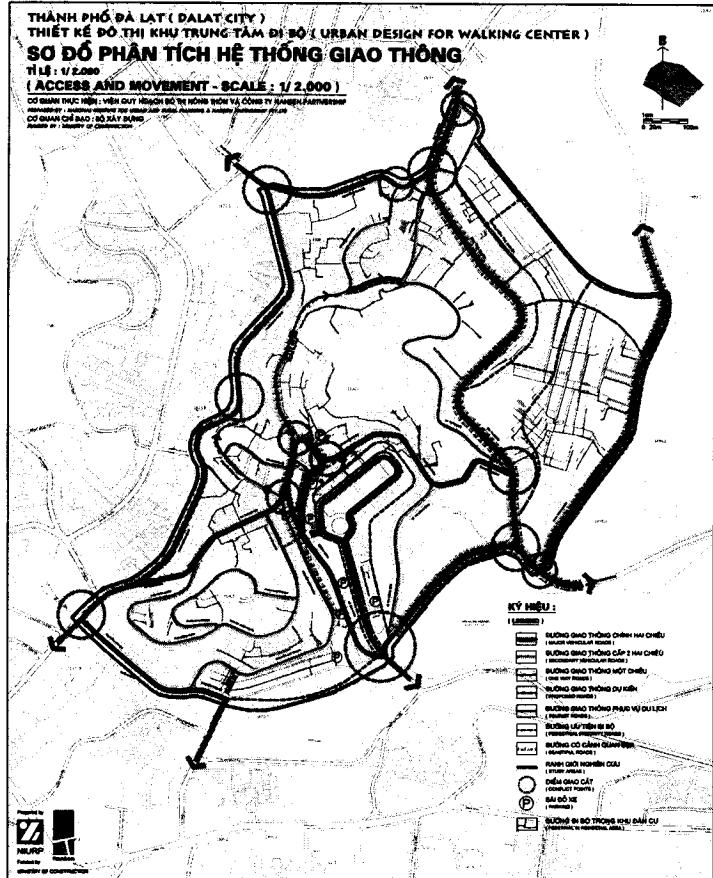
Việc xây mới và cải tạo mặt đứng các công trình theo hướng thống nhất các cao độ các tầng, cao độ cửa, điểm mái. Để làm tăng tính thống nhất, đề xuất làm thêm các mái hiên (verandah) có cùng cao độ, kiểu dáng.

Do đặc điểm địa hình chênh cốt, mạng lưới giao thông hiện nay phải men theo các đường đồng mức để giảm thiểu độ dốc, làm tăng độ dài đường giao thông. Đề xuất tạo các lối đi bộ dạng bậc thang, rút ngắn khoảng cách giữa các lô phố.

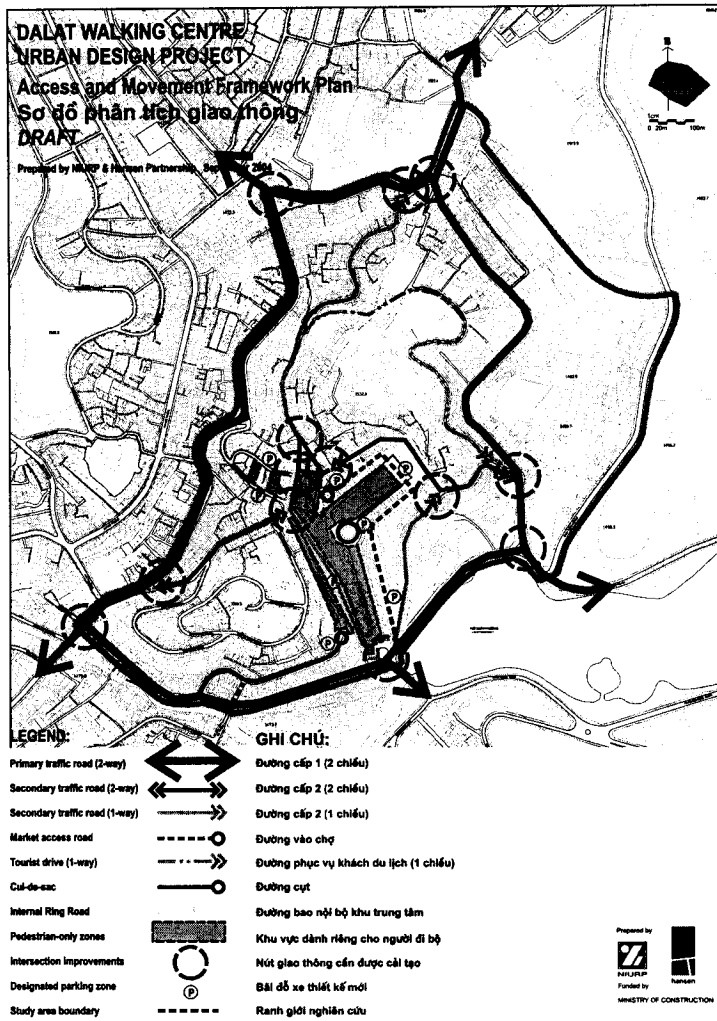
Đối với các không gian đi bộ trong lõi các khu phố, tổ chức các thảm cỏ hoa trang trí, ghế nghỉ, đèn chiếu sáng, cây xanh, gạch lát



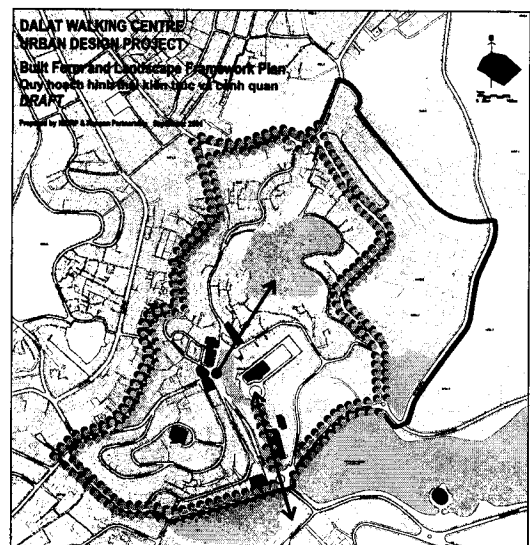
HỆ THỐNG GIAO THÔNG



QUY HOẠCH KHUNG HỆ THỐNG GIAO THÔNG



QUY HOẠCH KHUNG SỬ DỤNG ĐẤT - HÌNH THÁI KIẾN TRÚC



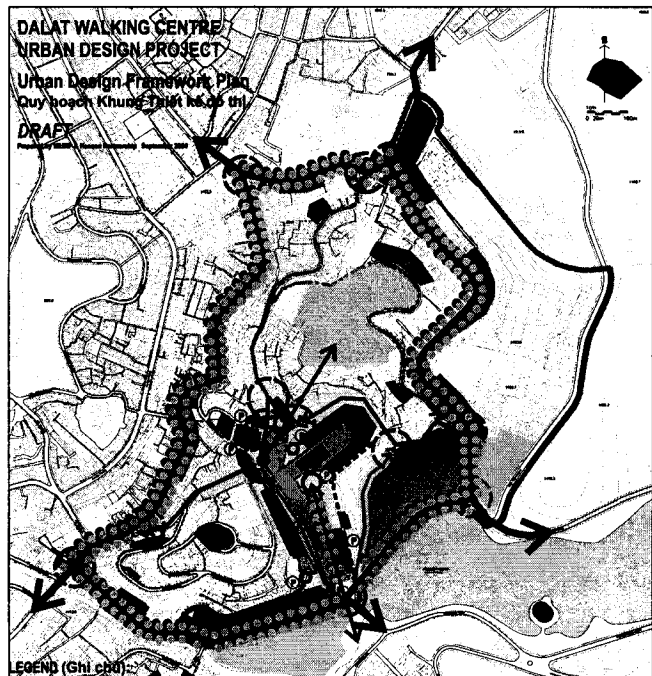
LEGEND:

Complementary use areas		GHI CHÚ:	Khu sử dụng đa năng bổ trợ
Themed streets			Các phố đặc trưng theo chủ đề
Urban reserved sites			Khu dành riêng, đất tạm mồi
Landmark land			Đất để diện tích
Study area boundary			Phạm vi giới hạn vùng nghiên cứu

LEGEND (ghi chú):

New and improved gardens			Đất trồng cây và cảnh quan
Landmark building sites			Các công trình kiến trúc
Vegetation to be protected			Vườn cây cần được bảo vệ
Boulevard tree planting			Vườn cây đường phố
Study area boundary			Phạm vi giới hạn vùng nghiên cứu

QUY HOẠCH KHUNG THIẾT KẾ ĐÔ THỊ



LEGEND (Ghi chú):

Primary traffic road (2-way)	
Đường cấp 1 (2 chiều)	
Secondary traffic road (2-way)	
Đường cấp 2 (2 chiều)	
Secondary traffic road (1-way)	
Đường cấp 2 (1 chiều)	
Market access road	
Đường vào chợ	
Tourist drive (1-way)	
Đường phục vụ du lịch (1 chiều)	
Cycle-lane	
Đường đạp	
Internal Ring Road	
Đường bao nội bộ khu trung tâm	
Pedestrian-only zones	
Khu vực dành riêng cho người đi bộ	
Intersection improvements	
Hạt giao thông cải thiện nút giao	
Designated parking zone	
Đất để xe theo kế hoạch	

Complementary use areas	
Khu sử dụng đa năng bổ trợ	
Themed streets	
Các khu phố đặc trưng theo chủ đề	
Urban reserved sites	
Khu đất tạm mồi	
Landmark land	
Đất để diện tích	
Study area boundary	
Phạm vi giới hạn vùng nghiên cứu	
New and improved gardens	
Vườn mới và cảnh quan	
Landmark building sites	
Các công trình kiến trúc	
Vegetation to be protected	
Vườn cây cần được bảo vệ	
Boulevard tree planting	
Vườn cây đường phố	

CÁC KHU VỰC CẦN CAN THIỆP



Trong khu trung tâm di bộ 100ha, dựa trên các hoạt động và địa hình hiện trạng, có thể chia ra 11 khu vực cần phải chú ý can thiệp.



ACTION AREAS (Vùng cần can thiệp):

1. Southern Gateway (Cửa ngõ phía Nam khu trung tâm)
2. Market Boulevard (Đường thị trường)
3. Coffee Street (Phố cà phê)
4. Town Square (Quảng trường trung tâm)
5. Diverse Streets (Phố đa năng)
6. Peace Hotel Intersection (Ngã ba khách sạn Hòa Bình)
7. North-western gateway intersection (Ngã ba cửa ngõ phía Bắc-Tây)
8. Northern Gateway (Cửa ngõ phía Bắc khu trung tâm)
9. Hilltop (Đỉnh đồi)
10. Hilltop Park (Công viên bên đỉnh đồi)
11. Lakeside Land (Bãi đất bên hồ)

LEGEND (Ghi chú):

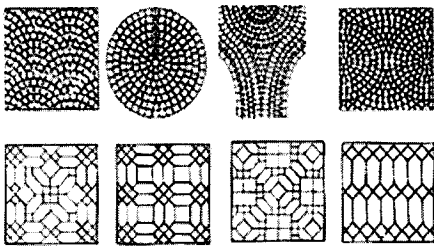
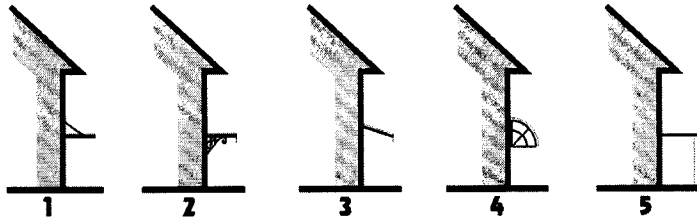
- Action Areas (Vùng cần can thiệp) 
- Study area boundary (Biên giới nghiên cứu) 



MỘT SỐ CHI TIẾT KIẾN TRÚC TRÊN ĐƯỜNG PHỐ

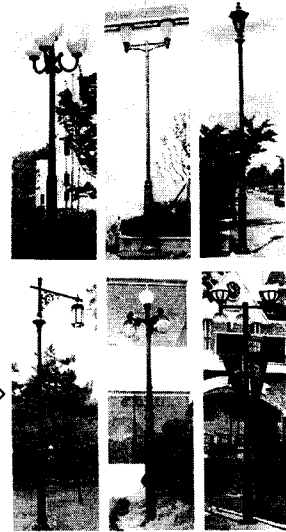
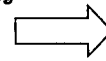


Một số lựa mái hiên gợi ý cho phố đi bộ

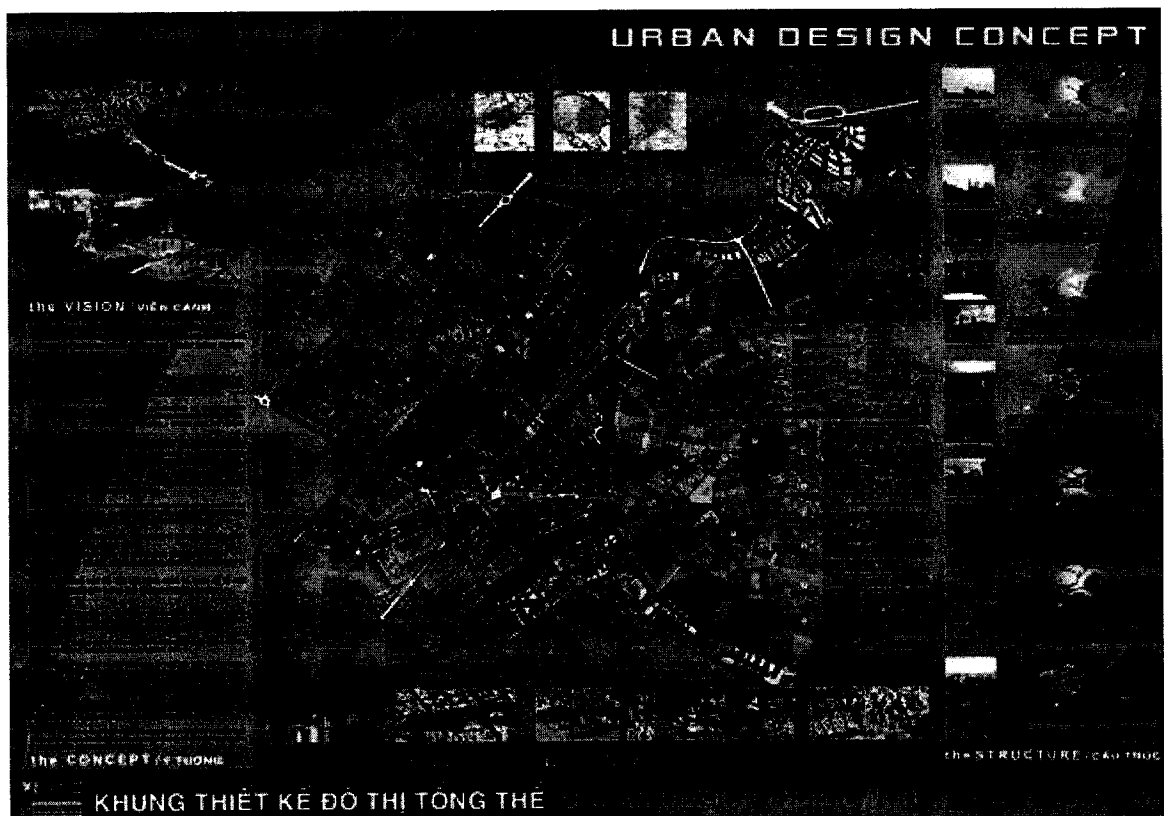


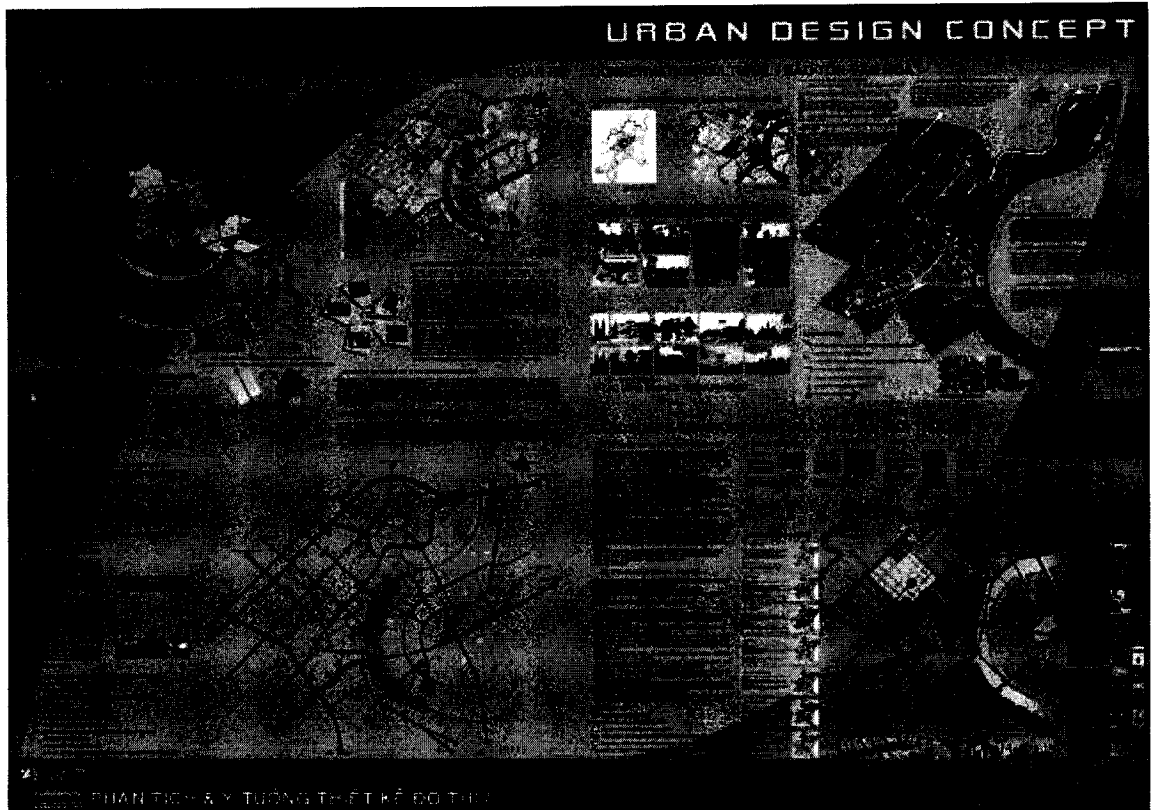
Một số gợi ý kiểu lát đường đi bộ

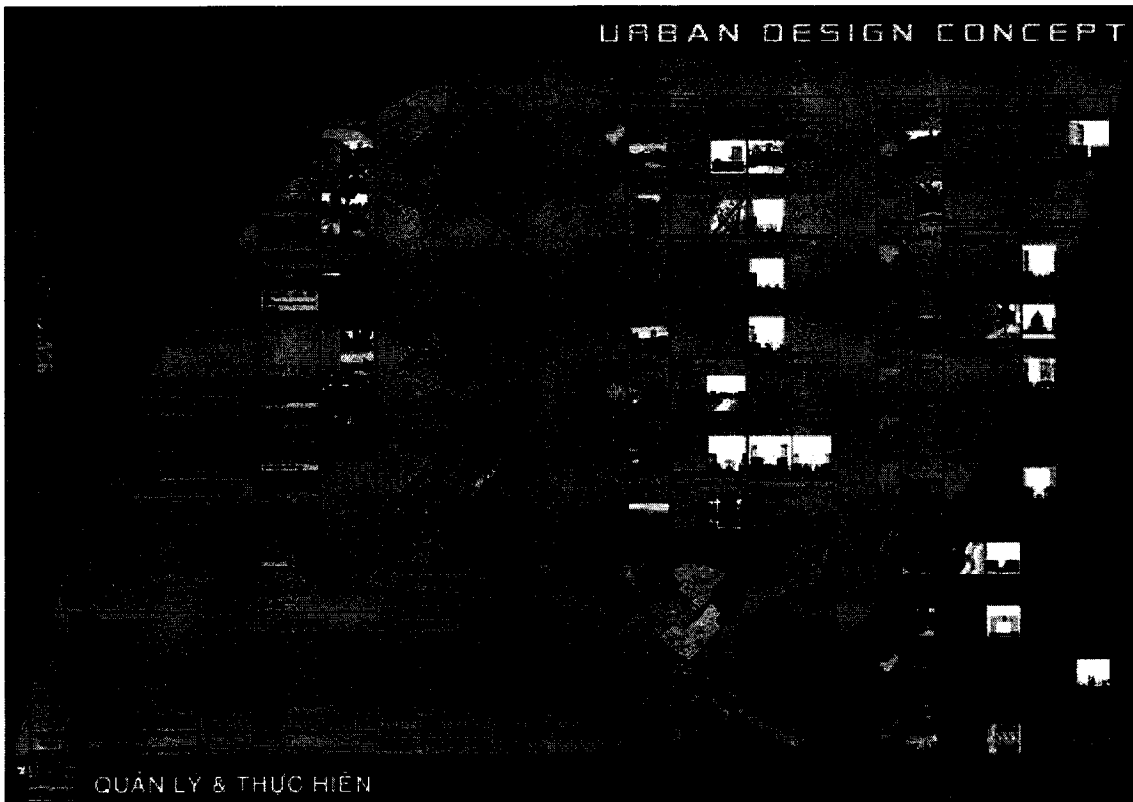
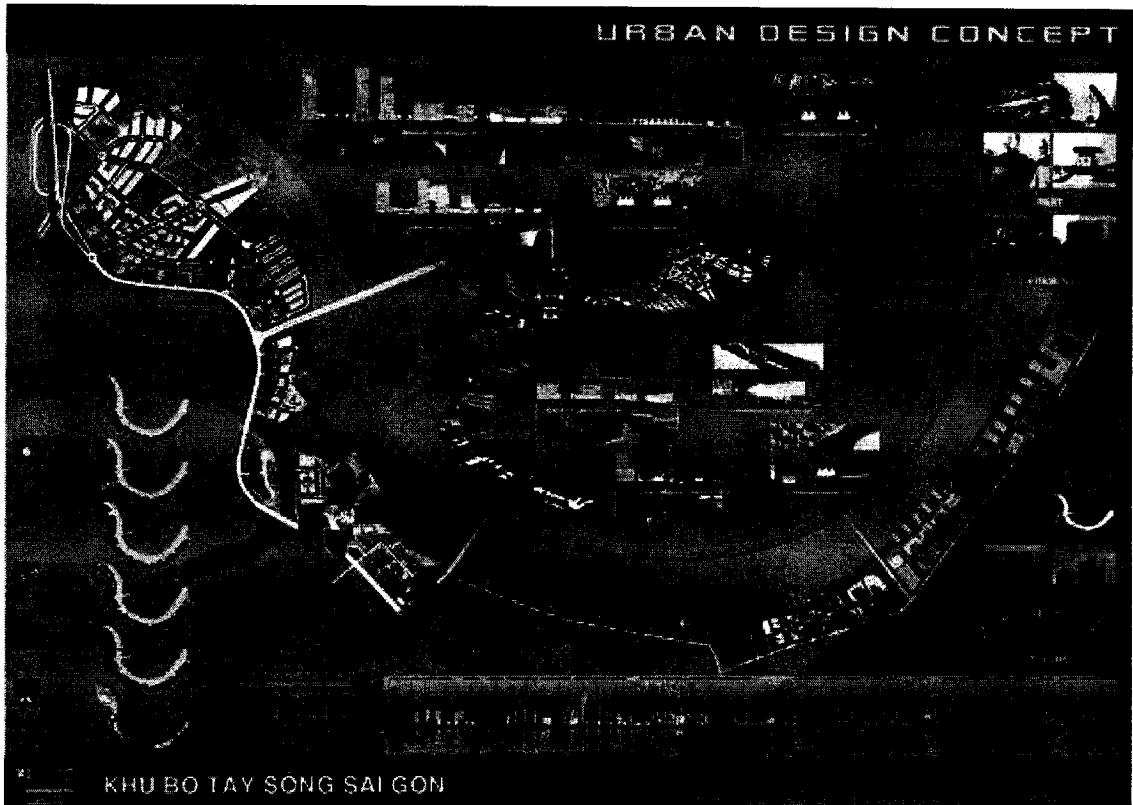
Gợi ý một số loại đèn chiếu sáng

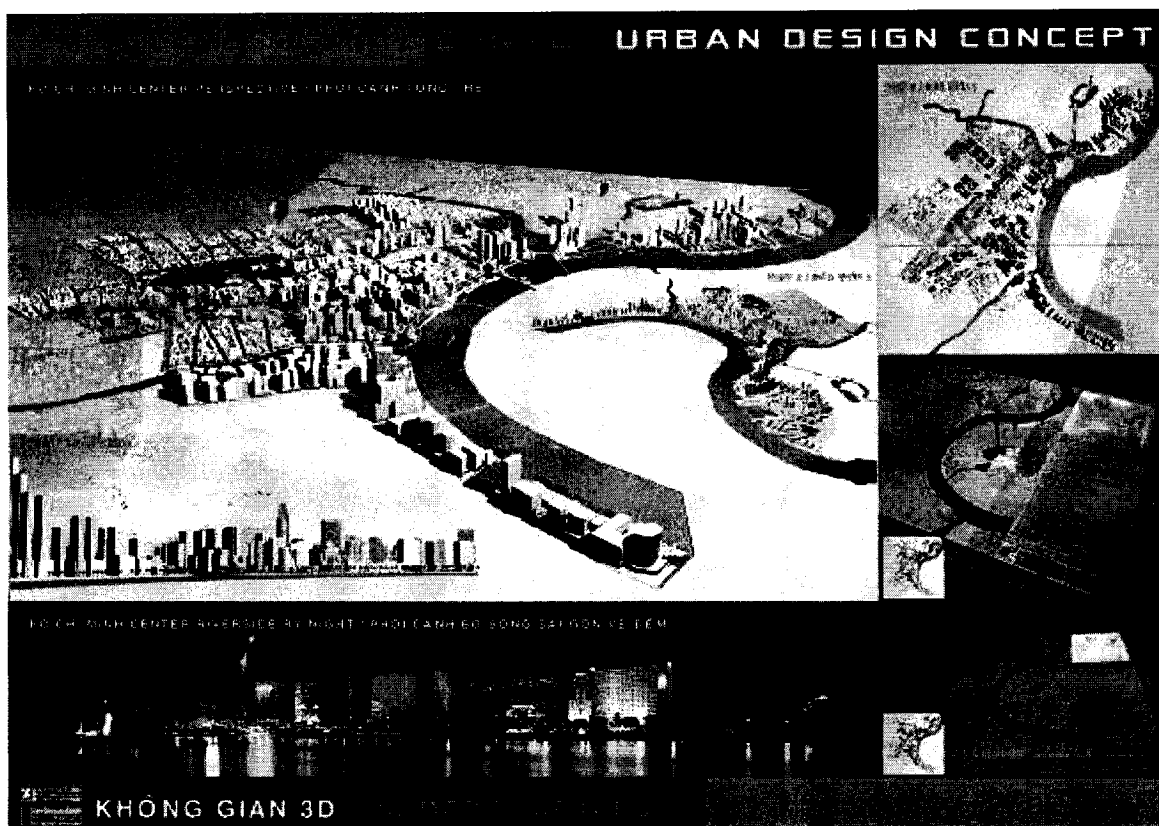


Ví dụ điển hình Thiết kế đô thị Khu trung tâm hiện hữu Tp Hồ Chí Minh









Kết luận

Tác giả viết bài này có mong muốn là TKĐT sẽ sớm đi vào đời sống qui hoạch đô thị nước ta. Thông qua bài viết này, tác giả cũng mong muốn bạn đọc là những người trong và ngoài ngành sẽ hiểu rõ hơn TKĐT là gì, và vị trí của TKĐT trong đời sống qui hoạch đô thị ở một số nước như Úc, Mỹ và Trung Quốc v.v. Từ đó rút ra kết luận TKĐT nên được hình thành phát triển như thế nào trong đời sống đô thị Việt Nam hiện nay.

Tài liệu tham khảo:

- 1- Ed Cuthber, A. (2003), *Designing Cities*, Australia: Blackwell Publishing,
- 2- Lang, Jon. (1994), *Urban Design: The American Experience*, New York: Van Nostrand Reinhold,
- 3- Barnett, L. (1982), *An Introduction to Urban Design*, New York: Harper and Row
- 4- Castells, M. (1983), *The City And The Grassroots. Across-Cultural Theory Of Urban Social Movements*. Berkely: University of California Press.
- 5- Wu, F. (1998), *Urban Planning System In China*, Progress in Planning Vol.51 pp. 165-252, 1998
- 6- Bộ Xây Dựng (1995), *Các Văn Bản Pháp Luật Về Quản Lý Đô Thị*, Hà Nội, Nhà Xuất Bản Xây Dựng,
- 7- Jon Punter. 2002, *Design guidelines in American cities*, London
- 8- Nguyễn Trúc Anh, *Tạp chí quy hoạch, vai trò của thiết kế đô thị* 2004, Vol 7, "URBAN DESIGN"- Trong Thiết Kế Qui Hoạch Đô Thị Việt Nam